

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐẶNG THỊ KIM NGÀ - XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
DAY HỌC XÓA MÙ CHỮ
TIẾNG VIỆT
KỲ 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu hướng dẫn dạy học xóa mù chữ môn Tiếng Việt – Kỳ 2 được biên soạn nhằm giúp giáo viên, cán bộ quản lý tham gia xóa mù chữ thực hiện tốt Chương trình xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung hướng dẫn gồm 2 phần:

Phần 1. Những vấn đề chung;

Phần 2. Hướng dẫn cụ thể.

Các tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành Tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo góp ý kiến để tài liệu được chỉnh lý đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Các tác giả

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

Phần 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU MÔN TIẾNG VIỆT	7
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	8
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC	9
IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	11
V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU XÓA MÙ CHỮ TIẾNG VIỆT, KÌ 2	14
VI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC.....	15

Phần 2 HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm: TUỔI TRẺ, TRÁCH NHIỆM VÀ ƯỚC MƠ	18
Bài 1. MỘT SÁNG THU XƯA (5 tiết)	18
Bài 2. CHIỀU BIÊN GIỚI (5 tiết)	21
Bài 3. BẦU TRỜI TỰ DO (5 tiết).....	25
Chủ điểm: CHUYỆN HỌC HÀNH	28
BÀI 4. HỌC HAY, LÀM GIỎI (5 tiết)	28
BÀI 5. KHI TRANG SÁCH MỞ RA (5 tiết)	31
BÀI 6. NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (5 tiết)	35
Chủ điểm: NGHỀ NGHIỆP	38
Bài 7. MÓN QUÀ QUÝ NHẤT (5 tiết)	38

BÀI 8. TỤC NGŨ VỀ NGHỀ NGHIỆP (5 tiết)	42
Bài 9. CHỊ LÝ LÀM GIÀU (5 tiết)	45
Chủ điểm: BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG	49
Bài 10. CÂY CẦU (5 tiết)	49
Bài 11. TỤC NGŨ VỀ CUỘC SỐNG (5 tiết)	52
BÀI 12. TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI (5 tiết)	55
Chủ điểm: MÁI ẤM GIA ĐÌNH	59
Bài 13. QUÀ TẶNG CHA (5 tiết)	59
Bài 14. GẬP LÁ CƠM NÉP (5 tiết)	62
Bài 15. HAI ANH EM (5 tiết)	66
Chủ điểm: NHỮNG NGƯỜI QUANH TA	69
BÀI 16. BÀN CHÂN KÌ DIỆU (5 tiết)	69
BÀI 17. TIẾNG KẼNG CÔ NUÔI CÁ (5 tiết)	72
BÀI 18. A CHÁNG ĐI CÀY (5 tiết)	76
BÀI 19. ÔN TẬP (5 tiết)	80
Chủ điểm: THIÊN NHIÊN MUÔN MÀU	83
Bài 20. CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN (5 tiết)	83
BÀI 21. TRÁI CHÍN (5 tiết)	86
Bài 22. CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN (5 tiết)	90
Chủ điểm: THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN	94
Bài 23. MỒ CÔI XỬ KIỆN (5 tiết)	94
Bài 24. QUÊ MỚI (5 tiết)	97
Bài 25. ÂM THANH THÀNH PHỐ (5 tiết)	100
Chủ điểm: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	103
Bài 26. RỪNG GỖ QUÝ (5 tiết)	103

Bài 27. TIẾNG CHỒI TRE (5 tiết).....	107
Bài 28. MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CHÚNG TA (5 tiết)	110
Chủ điểm: QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC.....	114
BÀI 29. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM (5 tiết)	114
BÀI 30. VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA (5 tiết).....	117
BÀI 31. PHONG CẢNH QUÊ BÁC (5 tiết).....	121
Chủ điểm: NHÌN RA THẾ GIỚI	124
Bài 32. TỪ CHÚ BÒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT (5 tiết)	124
BÀI 33. CÁ SẼU SỢ CÁ MẬP (5 tiết)	128
Bài 34. MỘT SỐ THƯ VIỆN NỔI TIẾNG TRÊN THẾ GIỚI (5 tiết).....	131
Bài 35. ÔN TẬP – ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM/CUỐI KÌ 2 (5 tiết)	135

I. MỤC TIÊU MÔN TIẾNG VIỆT**1. Mục tiêu chung**

1.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Tiếng Việt giúp học viên bước đầu khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bước đầu có khả năng hội nhập quốc tế.

1.2. Giúp học viên phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt môn Tiếng Việt giúp học viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức đối với cội nguồn; có hứng thú học tập, có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

2.3. Giúp học viên hình thành phương pháp học tập, phương pháp tư duy, cách thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng thu nhận được làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Việt góp phần hình thành, phát triển ở học viên những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

1.1. Năng lực ngôn ngữ

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Yêu cầu đọc gồm về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với kì 1 và kì 2, chú trọng yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với kì 3, kì 4 và kì 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Từ kì 1 đến kì 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; ở kì 4 và kì 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học viên liên tưởng, tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gần gũi với cuộc sống của học viên. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học viên khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gọi cho học viên nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày để hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

1.2. Năng lực văn học

Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, văn thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với kì 1, kì 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, văn trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với kì 3, kì 4 và kì 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu văn thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

KÌ 2 (175 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). - Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. - Biết đọc thầm. - Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh hoạ, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản. - Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.</p> <p>ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện. - Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. - Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại. - Nhận biết được vần trong thơ. Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao.</p>	<p>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,... 2. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu. 3. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời. 4. Đoạn văn. - Đoạn văn kể lại một sự việc. - Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý. - Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu. - Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu. 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).</p> <p>KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Đề tài (viết, kể về điều gì)</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>Văn bản thông tin</p> <p>Đọc hiểu nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý. <p>Đọc hiểu hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; mục lục sách, danh sách học viên, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động. - Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản. <p>Liên hệ, so sánh, kết nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản. - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh. 	<p>2. Hình dáng, điều bộ, lời thoại của nhân vật</p> <p>3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật</p> <p>4. Văn trong thơ</p> <p>NGỮ LIỆU</p> <p>1. Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả. - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè, tục ngữ. Độ dài của văn bản: truyện khoảng 180 - 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 -180 chữ, thơ khoảng 70 - 90 chữ. <p>2. Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu. - Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; danh sách học viên; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu. Độ dài của văn bản: khoảng 110 - 140 chữ.
<p>VIẾT</p> <p>KĨ THUẬT VIẾT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 - 55 chữ. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. <p>VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN</p> <p>Quy trình viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: "Viết về cái gì?"; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ. <p>Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được 4 - 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý. - Viết được 4 - 5 câu tả/giới thiệu về một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý. - Viết được 4 - 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý. - Viết được bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi. 	<p>3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...</p> <p>4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học viên.</p>

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe. - Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe. - Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem. - Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). <p>Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe. - Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó. - Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện. <p>Nói nghe tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói. 	

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

- Chương trình lấy tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong học tập làm phương châm trong việc thực hiện phương pháp dạy học.

- Đối với người lớn, cần chú trọng việc học qua thực hành, trải nghiệm, rèn luyện theo mẫu và thảo luận. Người lớn đã tiếp nhận tiếng Việt một cách tự nhiên trong môi trường xã hội qua các giai đoạn trưởng thành cho nên dạy học tiếng cho người lớn là cố gắng giúp họ ý thức được cách tổ chức của tiếng nói đó và cách sử dụng nó một cách có ý thức (không chỉ hoàn toàn tự nhiên). Việc này được thực hiện chủ yếu bằng cách phân tích ngữ liệu và đối chiếu những hiện tượng giống nhau (hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa), những hiện tượng khác nhau (hiện tượng trái nghĩa, nhiều nghĩa) của bản thân hệ thống tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong những tình huống khác nhau.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp học viên biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách của học viên. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu học viên đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học viên tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin chính trong văn bản; hướng dẫn học viên liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học viên,... để hiểu giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho học viên tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học viên chủ động, tự tin trong tiếp nhận tác phẩm; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học viên; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học viên đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tùy vào đối tượng học viên ở từng giai đoạn và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học viên thảo luận về văn bản,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học viên.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách của học viên. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học viên các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học viên phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp học viên xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn học viên viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Nội dung dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học viên hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học viên thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện; yêu cầu học viên làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học viên cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là giúp học viên có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học viên.

Trong dạy nói, giáo viên tổ chức cho học viên thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học viên cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học viên biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kĩ năng nghe nói cho học viên. Để tạo điều kiện cho mọi học viên được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học viên nói cho nhau nghe hoặc học viên trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học viên thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và

hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói, nghe được quy định trong Chương trình xóa mù chữ môn Tiếng Việt. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được tích hợp vào việc đánh giá 4 kĩ năng: đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá thường xuyên là đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói nghe của học viên; Đánh giá định kì bằng bài kiểm tra viết, tích hợp đọc hiểu những kiến thức cần yếu về tiếng Việt. Đánh giá viết ở mức độ 1 gồm có 2 phần: viết chính tả và viết đoạn văn 4-5 câu; mức độ 2: viết bài văn ngắn.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh kết quả học tập giữa các học viên, không tạo áp lực cho học viên.

2.3. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một mức do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu).

V. CẤU TRÚC TÀI LIỆU XÓA MÙ CHỮ TIẾNG VIỆT, KÌ 2

1. Phân bố số tiết học:

33 bài học x 5 tiết = 165 tiết

2 bài ôn tập, kiểm tra x 5 tiết = 10 tiết

2. Cấu trúc bài học

Sách được thiết kế theo 11 chủ điểm: Tuổi trẻ, trách nhiệm và ước mơ; Chuyện học hành; Nghề nghiệp; Bài học từ cuộc sống; Mái ấm gia đình; Những người quanh ta; Thiên nhiên muôn màu; Thành thị và nông thôn; Bảo vệ môi trường; Quê hương, đất nước; Nhìn ra thế giới.

Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học với các hoạt động cụ thể như sau:

Chủ điểm	Bài 1	- Đọc (2 tiết) - Kể chuyện (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết) - Viết đoạn văn (1 tiết)
	Bài 2	- Đọc (2 tiết) - Luyện tập về từ và câu (1 tiết) - Viết chữ hoa (1 tiết) - Luyện viết đoạn văn (1 tiết)
	Bài 3	- Đọc (2 tiết) - Nói theo chủ điểm (1 tiết) - Viết chính tả (1 tiết) - Đọc và viết (1 tiết)

Mỗi bài học được thực hiện trong 5 tiết bao gồm các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và luyện tập các kiến thức về từ và câu theo yêu cầu của chương trình kì II.

Ở hoạt động đọc, văn bản được lựa chọn theo chủ đề, gồm có phần Luyện đọc (bao gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu) và phần Luyện tập gắn với bài đọc. Ở hoạt động viết, gồm có viết chính tả, viết chữ hoa, viết đoạn văn. Ở hoạt động nói và nghe, gồm có nói theo chủ đề và kể chuyện. Hoạt động Đọc và viết ở cuối mỗi chủ điểm giúp học viên rèn kĩ năng tự học: tự đọc văn bản theo chủ điểm và viết suy nghĩ, cảm xúc hoặc những thông tin thu nhận được từ văn bản đã đọc.

VI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

1. Hoạt động đọc

Có thể tổ chức các hoạt động học tập của học viên theo quy trình sau :

a. Ôn bài cũ

Có thể thực hiện theo một trong những cách thức sau đây:

- Học viên đọc từng đoạn hoặc cả bài đọc đã học trước đó và trả lời câu hỏi của GV về bài đọc.

- Học viên làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp từng đoạn của bài đọc đã học và trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b. Học bài mới

- Luyện đọc thành tiếng:

+ Giáo viên hướng dẫn phát âm đúng một số từ khó phát âm trong bài (GV đọc mẫu để HV đọc theo hoặc HV tự đọc và tự góp ý cho nhau).

+ Đọc trơn các từ mới kết hợp với hiểu nghĩa từ mới (hiểu nghĩa bằng đọc lời giải nghĩa trong sách hoặc nghe GV giải nghĩa).

+ Đọc trơn câu (chủ yếu tập trung đọc các câu dài cần ngắt hơi đúng chỗ, bước đầu biết đọc phân biệt lời của các nhân vật đối thoại).

+ Đọc trơn đoạn (cá nhân, trong nhóm).

- Luyện đọc hiểu

+ Đọc từng yêu cầu hoặc câu hỏi ở phần Đọc - hiểu.

+ Cá nhân HV suy nghĩ để trả lời hoặc trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời câu hỏi (hoặc đáp ứng yêu cầu) nêu trong phần Đọc - hiểu.

c. Luyện tập gắn với văn bản đọc

Học viên làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu.

Giáo viên thống nhất đáp án.

d. Củng cố

- Đọc lại toàn bài

- Trả lời câu hỏi về liên hệ nội dung của bài đọc với thực tế để HV biết vận dụng bài học vào thực tế.

2. Hoạt động viết

2.1. Viết chính tả

Bài luyện viết chính tả gồm có 2 yêu cầu: Nghe – viết đoạn văn hoặc đoạn thơ; Làm bài tập chính tả.

Giờ học có thể tiến hành theo quy trình sau :

a) Nghe - viết

- Đọc hoặc nghe đọc đoạn văn, đoạn thơ cần viết.

- Viết ra nháp một số từ dễ mắc lỗi (theo hướng dẫn của GV).

- Viết bài:

+ Học viên nghe GV đọc từng câu và viết.

- Đọc lại bài viết để soát lỗi (cá nhân, trao đổi với bạn).

- Chữa lỗi trong bài viết (nếu có). GV nhận xét một số bài.

b) Làm bài tập chính tả

- Đọc yêu cầu của bài tập.

- Giáo viên hướng dẫn cách làm (có thể làm mẫu một phần).

- Học viên làm bài tập cá nhân hoặc theo cặp.

- Giáo viên hướng dẫn chữa bài.

- Giáo viên chấm một số bài, nêu nhận xét.

2.2. Viết chữ hoa

- Học viên nhận viết yêu cầu, nhiệm vụ.

- Quan sát mẫu chữ viết hoa và nghe hướng dẫn viết.

- Thực hành viết.

- Chữa lỗi và nghe nhận xét, góp ý.

2.3. Học viên đọc yêu cầu của bài tập, nắm được mục đích của bài tập.

- Giáo viên có thể giải thích thêm hoặc gợi ý, hướng dẫn cách làm.
- Học viên thực hiện bài tập: suy nghĩ cá nhân hoặc trao đổi nhóm trước khi viết, viết bài.
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân, hoặc góp ý cho bài làm của bạn.

3. Hoạt động nói và nghe

- Học viên đọc yêu cầu (nói theo chủ đề hoặc kể chuyện).
- Giáo viên hướng dẫn cách thức, quy trình thực hiện.
- Học viên chuẩn bị nội dung để kể chuyện hoặc trình bày ý kiến.
- Kể chuyện hoặc trình bày ý kiến trong nhóm hoặc trước lớp.
- Nghe góp ý về nội dung, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ khi nói,...

4. Hoạt động luyện tập về từ và câu

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Nghe GV giải thích nhiệm vụ cần làm để thực hiện yêu cầu của bài tập (bài tập này giúp HV nhận biết đặc điểm gì về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt?,...)
- Thực hiện bài tập (cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm).
- Tham gia chữa bài tập: trình bày bài làm của cá nhân hoặc trao đổi về bài làm của bạn.
- Giáo viên chốt lại những kiến thức tiếng Việt cần nhớ.

Chủ điểm: TUỔI TRẺ, TRÁCH NHIỆM VÀ ƯỚC MƠ**Bài 1****MỘT SÁNG THU XƯA (5 tiết)****I. MỤC TIÊU**

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Một sáng thu xưa*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu điều Bác Hồ căn dặn các chiến sĩ.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Một sáng thu xưa*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ Đất nước (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng c, k.

- Viết được 3 – 4 câu thuật việc đơn giản.

4. Biết bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người công dân.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tư liệu về Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn Quân Tiên Phong tại Đền Hùng ngày 19/9/1954.

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**TIẾT 1, 2****1. Khởi động**

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết về Đền Hùng, về sự tích Con Rồng cháu Tiên, về câu ca dao “Dù ai đi ngược về xuôi/Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba”.

2. Đọc**a) Đọc thành tiếng**

- Học viên nêu nội dung tấm ảnh.

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài kể lại cuộc trò chuyện của Bác Hồ với các chiến sĩ tại Đền Hùng ngày 19/9/1954 khi Bác đến thăm Đền Hùng và gặp các chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên Phong đang đóng quân tại đây.

- Giáo viên/ HV đọc toàn bài trước lớp.

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở đâu?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên trả lời câu hỏi (Bác Hồ gặp gỡ và nói chuyện với các chiến sĩ ở Đền Hùng).

- Giáo viên giới thiệu thêm về Đền Hùng hoặc mời HV giới thiệu những điều mình biết về Đền Hùng.

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Qua cuộc trò chuyện, Bác Hồ muốn các chiến sĩ biết được những điều gì?)

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Bác Hồ muốn các chiến sĩ có hiểu biết về di tích Đền Hùng gắn với sự tích vua Hùng – ông vua có công dựng nước, chính là ông Tổ của nước Việt Nam ta.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Theo bạn, các chiến sĩ đã nhận biết trách nhiệm của mình là gì qua lời dặn của Bác?)

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Qua lời căn dặn của Bác, các chiến sĩ hiểu được trách nhiệm chung sức bảo vệ đất nước mà cha ông ta đã gây dựng.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ đã cho thành 2 nhóm.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xác định cách phân nhóm (VD: nhóm từ ngữ chỉ hoạt động xây dựng đất nước và nhóm từ ngữ chỉ hoạt động chiến đấu bảo vệ Tổ quốc)

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Nhóm 1. Từ ngữ chỉ hoạt động xây dựng đất nước: kiến thiết nước nhà, kiến quốc, dựng nước, xây dựng đất nước.

Nhóm 2. Từ ngữ chỉ hoạt động chiến đấu bảo vệ Tổ quốc: vệ quốc, giữ nước, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn đất nước.

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Một sáng thu xưa

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Một sáng thu xưa*. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ những lời nói của Bác.
- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, có thuộc lời căn dặn của Bác Hồ không?,...)
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
 - + Về nội dung.
 - + Về giọng nói, điệu bộ.

b) Nêu suy nghĩ của bạn về trách nhiệm của người công dân đối với đất nước

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- Giáo viên giảng giải thêm về trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên, của công dân đối với đất nước.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Đất nước*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập phân biệt c/k

- *Bài tập 1.*
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án: công dân cộng đồng kiến thiết diệu kì tìm kiếm

+ Giáo viên nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết c/k (Chữ k + e, ê, i).

- *Bài tập 2.*

+ Học viên trao đổi nhóm, tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng c hoặc k.

+ Học viên làm bài trên bảng lớp: trồng cây, núi cao, đào kênh, kiên trì,...)

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn thuật việc

a) Kể lại sự việc được thể hiện trong tranh

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về hoạt động được thể hiện trong mỗi tranh, có thể nói rõ các bước thực hiện hoạt động được thể hiện lần lượt qua từng tranh.

+ Tranh 1: Mấy bạn trẻ cùng nhau làm 1 chiếc thuyền buồm (có thể nói rõ vật liệu và cách làm).

+ Tranh 2: Các bạn khiêng chiếc thuyền ra sông.

+ Tranh 3: Các bạn đứng trên thuyền buồm ra khơi, giơ tay vẫy.

b) Viết lại các câu em đã kể bằng 3 – 4 câu

- Học viên làm việc cá nhân. Viết 3 – 4 câu về các hoạt động trong tranh. Viết xong, tự đọc soát và chỉnh sửa.

- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 1.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

+ Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn thuật việc.

+ Viết vào sổ tay điều mình muốn làm, muốn đạt được trong cuộc sống.

+ Chuẩn bị Bài 2.

Bài 2

CHIỀU BIÊN GIỚI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. **Đọc:** Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Chiều biên giới*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên vùng biên giới và nhịp sống sôi động, khát vọng của tuổi trẻ,... được thể hiện qua các hình ảnh thơ.

2. **Luyện từ và câu:** Phân biệt được từ và câu, biết tạo câu từ các từ đã biết.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa A, Ă, Æ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu thuật việc đơn giản.

4. Biết bày tỏ cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên quê hương, đất nước và chia sẻ suy nghĩ về khát vọng, ước mơ trong cuộc sống.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ hoa A, Ă, Æ.
- Tranh ảnh về cảnh vật vùng biên giới phía Bắc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết về những vùng biên giới của Việt Nam, tranh ảnh về cảnh vật vùng biên giới.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ của tác giả Lò Ngân Sủn gợi lên vẻ đẹp đầy sức sống của thiên nhiên và con người vùng biên giới trong mùa xuân.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + Hoa đào nở, lượn bậc thang,...
 - + Biên giới, toả ngát,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Cảnh vật chiều biên giới hiện ra như thế nào qua lời chàng trai?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại bài thơ, tìm những câu thơ gợi tả cảnh vật vùng biên giới để chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 1.
- Học viên trao đổi theo cặp hoặc nhóm: từng người nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời. (Ví dụ: Cảnh vật chiều biên giới rất đẹp. Không gian khoáng đạt trong mùa xuân: có hoa đào nở, mùa sỡ ra cây, những ruộng bậc thang uốn lượn trong mây, hương thơm cỏ cây toả ngát,...).
- Giáo viên giới thiệu thêm tranh ảnh về cảnh đẹp vùng biên giới trong mùa xuân.
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Tìm những chi tiết cho thấy nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới?)

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời.

(VD: Nhịp sống sôi động trên nông trường vùng biên giới được thể hiện qua những câu thơ:

Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta đắm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông...

Trên nông trường vùng biên giới, cuộc sống đang thay đổi ngày một hiện đại: nơi rừng núi có ánh điện sáng, có âm thanh rộn ràng của tiếng máy vào cao trên nông trường lộng gió...).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Khát vọng của tuổi trẻ được thể hiện qua những hình ảnh nào trong bài thơ?)

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Khát vọng của tuổi trẻ được thể hiện qua những hình ảnh tràn đầy sức sống:

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ có nghĩa giống với từ “biên giới”, “mênh mông”.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó tìm từ theo yêu cầu.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Từ ngữ có nghĩa giống với từ “biên giới”: biên cương, biên thủy, biên ải.
- Từ ngữ có nghĩa giống với từ “mênh mông”: mông mênh, rộng lớn, bát ngát, thênh thang.

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ gọi tên các cảnh vật của vùng biên giới.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết từ ngữ tìm được vào vở.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các từ tìm được, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp. (VD: rừng, núi, suối, sông, ruộng bậc thang, thung lũng,...)

TIẾT 3

3. Luyện tập: TỪ VÀ CÂU

a) Đọc các từ. Chọn từ thích hợp với mỗi tranh

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ đã cho, từ đó chọn từ phù hợp với tranh.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

(Đáp án: hoạ sĩ, ca sĩ, bác sĩ).

b) Đặt 3 câu chứa từ đã chọn cho mỗi tranh (ở bài tập 1)

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt 3 câu với các từ *hoạ sĩ, ca sĩ, bác sĩ*.

- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

c) Ghép từ ở cột A với từ ở cột B để tạo thành câu

- Giáo viên nêu yêu cầu và cách làm.

- Học viên làm việc cá nhân.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

Đáp án:

+ Núi cao vút.

+ Biển mênh mông.

+ Suối róc rách.

+ Gió vi vu.

- Giáo viên khuyến khích HV đặt câu có nhiều từ ngữ hơn, VD: Ở miền núi, có những trái núi cao vút.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa A, Ă, Â và câu ứng dụng (Anh em thuận hoà là nhà có phúc./Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.)

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:

- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Viết đoạn bài: Viết đoạn văn thuật việc

a) *Viết 4 – 5 câu kể lại một sự việc em đã tham gia hoặc chứng kiến*

- Học viên đọc đề bài và đọc gợi ý.
- Giáo viên hướng dẫn HV thực hiện yêu cầu (chọn sự việc/hoạt động đã tham gia hoặc chứng kiến).
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) *Chỉnh sửa bài viết theo góp ý*

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 2.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn theo góp ý của GV.
 - + Liệt kê các bước thực hiện một công việc sẽ làm hoặc cần làm.
 - + Chuẩn bị Bài 3.

Bài 3

BẦU TRỜI TỰ DO (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Bầu trời tự do*; bước đầu biết đọc phân biệt giọng kể chuyện với lời nói trực tiếp của nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được chi tiết nêu hành động, việc làm, suy nghĩ... của các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của mình về ước mơ, chia sẻ ước mơ của bản thân với bạn bè.

3. Viết: Viết đúng chính tả đoạn thơ trong Bài ca vớ đất theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng g, gh.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu bài thơ *Cậu bé và cô bé*; viết cảm nghĩ về bài thơ đó.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số truyện ngụ ngôn.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi ý kiến về hiện tượng nuôi nhốt chim trong lồng.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về cuộc trò chuyện của một cậu bé với con chim trên cành.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + Xách lồng chim, nước uống,...
 - + Trên cành, bắt sâu,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Cậu bé mong muốn điều gì khi mang lồng đến bên gốc cây?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại câu chuyện, tự trả lời cho câu hỏi 1.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Khi mang lồng đến bên gốc cây, cậu bé muốn dụ chim bay vào trong lồng).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Theo cậu bé, cuộc sống trong lồng có gì thú vị đối với chú chim?).
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (VD: Cậu bé cho rằng cuộc sống trong lồng thú vị đối với chú chim. Sống trong lồng, chim sẽ có sẵn gạo ăn, nước uống, lại được cậu bé bắt sâu cho ăn, chẳng phải khó nhọc, vất vả, chẳng sợ mưa gió bão táp).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3. (Qua câu trả lời của chú chim dành cho cậu bé, câu chuyện muốn nhấn nhủ các bạn trẻ điều gì?).
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm xác nhận những câu trả lời thuyết phục.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận những câu trả lời phù hợp, VD: Tự do, tự lực, tự chủ là điều quan trọng nhất trong cuộc sống/...).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ theo yêu cầu.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi về cuộc sống mong muốn và cuộc sống không theo mong muốn.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Cuộc sống mong muốn	tự do, khỏe mạnh, no ấm, hạnh phúc, đầy đủ về vật chất, có ích,...
Cuộc sống không theo mong muốn	khó nhọc, vất vả, thiếu thốn, ốm yếu, gian khó, nhọc nhằn, buồn bực,...

- Bài tập 2. Viết 2 – 3 câu nói về cuộc sống em mong ước.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu theo suy nghĩ của mình vào vở.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.
- (VD: Tôi mong ước có cuộc sống ấm no, hạnh phúc).

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Ước mơ của mỗi người

a) Chuẩn bị ý kiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hãy kể/giới thiệu về ước mơ của mình.
- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, chuẩn bị ý kiến của mình.

- a) Bạn ước mơ điều gì?
- b) Vì sao bạn có ước mơ đó?
- c) Bạn đã hoặc sẽ làm gì để có thể biến ước mơ thành hiện thực?

b) Chia sẻ về ước mơ của mình

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- Học viên trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- + Về nội dung ước mơ.
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe - viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Bài ca vỡ đất*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe – viết.

b) Làm bài tập phân biệt g/gh.

- Bài tập 1.
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án:** gánh vác, ghềnh thác, gấp khúc, kêu gọi, yêu ghét)
- + Giáo viên nhắc HV ghi nhớ quy tắc viết g/gh. (Chữ gh + e, ê, i).
- Bài tập 2.
- + Học viên trao đổi nhóm, tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *g* hoặc *gh*.
- + Học viên làm bài trên bảng lớp: cây gạo, gồng gánh, ghi chép, ghê gớm,...)

TIẾT 5

5. Vận dụng

a) Đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc bài thơ Tiếng mùa xuân và trả lời câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc bài thơ.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về bài thơ

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và tự viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ.
- Học viên làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 3.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn phù hợp chủ điểm “Tuổi trẻ, trách nhiệm và ước mơ”.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 4.

Chủ điểm: CHUYỆN HỌC HÀNH

BÀI 4

HỌC HAY, LÀM GIỎI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Học hay, làm giỏi*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản. Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi ông Bùi Xương Trạch chăm làm, chăm học, tiết kiệm, liêm khiết.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Học hay, làm giỏi*.

3. Viết:

- Viết đúng chữ hoa B, C và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật.

4. Biết bày tỏ thái độ trân trọng với những người chăm chỉ, có nghị lực.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B, C.
- Tranh ảnh đồ vật hoặc mô hình/vật thật gợi ý HV quan sát để viết đoạn văn tả đồ vật.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Kể tên hoặc giới thiệu một người học hay, làm giỏi (mà mình biết trong thực tế hoặc qua sách báo, phim ảnh,...).
- Thảo luận: Nếu chỉ học giỏi mà không chăm chỉ (hoặc ngược lại) thì có tốt không? Vì sao?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Tuy làm đến chức Thượng thư/nhưng ông vẫn nổi tiếng/tiết kiệm và liêm khiết*).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Nhờ đâu mà Bùi Xương Trạch học giỏi, đạt kết quả cao trong thi cử? (Bùi Xương Trạch không chỉ thông minh mà còn rất chăm chỉ. Ông tranh thủ mọi lúc để học bài).
- (2) Những chi tiết nào trong câu chuyện cho thấy Bùi Xương Trạch không chỉ chăm học mà còn rất chăm làm? (Ông rất chăm học: buộc sách vào bừa để vừa bừa vừa ôn bài, bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách; tranh thủ khoảng thời gian giữa hai bài thi về nhà ôn bài. Ông rất chăm làm: Vừa ôn bài vừa

đi bừa, tranh thủ khoảng thời gian giữa hai bài thi về nhà cày cấy; không chờ xem kết quả thi mà về cuốc đất.

(3) Theo bạn, Bùi Xương Trạch có những phẩm chất gì đáng quý trọng? (Ông rất chăm làm, chăm học, tiết kiệm, liêm khiết).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ thành 2 nhóm:
- + Giáo viên nêu yêu cầu: Xếp các từ ngữ thành 2 nhóm; có thể đặt tên cho mỗi nhóm.
- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

Nhóm 1. (Các từ ngữ chỉ hoạt động lao động) *cuốc đất, đi bừa, cày ruộng.*

Nhóm 2. (Các từ ngữ chỉ hoạt động học tập) *học bài, thi đỗ, làm bài, ôn thi, đọc sách.*

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Học hay, làm giỏi

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Học hay, làm giỏi.*
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện.
- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét.

b) Trao đổi: Chúng ta có thể học được gì từ tấm gương ông Bùi Xương Trạch?

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa B, C và câu ứng dụng (*Bảy mươi còn học bảy mốt; Có học có hay, có cày mới giỏi.*)
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa B, C; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa B.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Bảy mươi còn học bảy mốt; Có học có hay, có cây mới giỏi.*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Tập viết đoạn văn tả đồ vật

a) Quan sát tranh, nói về đồ vật trong tranh

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Giáo viên hướng dẫn HV quan sát tranh ảnh (vật thật, mô hình) để nói theo gợi ý.

- Học viên nói trong nhóm.

- Một số HV trình bày trước lớp; GV nhận xét.

b) Dựa vào những điều đã nói, viết 4 – 5 câu về một vật trong tranh

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên viết các câu vào vở.

- Một số HV báo cáo trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 4.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

+ Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.

+ Viết vào sổ tay ước muốn hoặc dự định của bản thân.

+ Chuẩn bị Bài 5.

Bài 5

KHI TRANG SÁCH MỞ RA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Khi trang sách mở ra*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận biết được vẻ đẹp và giá trị của những trang sách giúp ta khám phá thế giới, mở mang hiểu biết.

2. Luyện từ và câu

- Tìm từ chỉ sự vật.
- Viết câu giới thiệu.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *ng/ ngh*.

- Viết được câu giới thiệu sự vật.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật.

4. **Vận dụng:** Viết kế hoạch học tập của bản thân và chia sẻ với người thân.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ bài tập 2 - Từ và câu (nếu chuẩn bị được).
- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2, 3.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Sách có ích như thế nào đối với đời sống?
- Chúng ta sẽ thiệt thòi như thế nào nếu không có sách?
- Bạn thích nhất cuốn sách (hoặc câu chuyện, bài thơ,...) nào? Vì sao?

2. Đọc

a) *Đọc thành tiếng*

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

*Khi/trang sách mở ra//
Khoảng trời xa/xích lại//
Bắt đầu/là cỏ dại//
Thứ đến/là cánh chim//*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) *Đọc hiểu*

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Theo bài thơ, ta có thể biết những điều gì qua các trang sách? Ta có thể biết về mọi điều: bầu trời, cỏ cây hoa lá, chim muông, con người, biển cả, cánh buồm, rừng cây, làn gió, ngọn lửa,...)

(2) Bài thơ cho thấy sách có ý nghĩa như thế nào trong việc giúp mỗi người mở mang hiểu biết? (Sách giúp ta biết nhiều điều, có thể rất lớn lao, có thể vô cùng nhỏ bé, có thể rất xa hoặc rất gần; sách giúp ta biết những điều có thể chứng kiến tận mắt hoặc những điều ta chưa từng thấy...).

(3) Theo bạn, tác giả bài thơ gửi gắm lời nhắn nhủ gì tới chúng ta? (Sách giúp chúng ta hiểu biết về thế giới xung quanh; hãy chăm chỉ đọc sách để mở mang hiểu biết.)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong bài thơ.
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- Những từ ngữ chỉ đồ vật: *sách, buồm, giấy*.
- Những từ ngữ nói về người: *trẻ con, người lớn*.
- Những từ ngữ nói về thiên nhiên: *cỏ, chim, biển, rừng, gió,...*

- Bài tập 2. Nói về một đồ vật được nhắc tới trong bài thơ.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên trao đổi theo cặp, nói những điều mình biết về một vật, VD: *sách, giấy,...*
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung.
- + Giáo viên nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ chỉ sự vật; câu giới thiệu

a) Tìm từ ngữ chỉ sự vật

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Viết 5 từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) được vẽ trong tranh.
- Học viên làm việc cá nhân: Quan sát tranh, viết từ ngữ. VD: thầy giáo, cô giáo, học sinh, chim, cây, hoa, lá, cặp sách, áo, quần,...

b) Sắp xếp từ ngữ thành câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu giới thiệu em Nam.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): Sắp xếp lại từ ngữ thành câu; viết lại câu.
- Học viên báo cáo kết quả trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng: *Em Nam là học sinh lớp 2A.*

c) Đặt câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Đặt 3 câu giới thiệu một số sự vật được vẽ trong tranh.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết: Ngày hôm qua đâu rồi?

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Viết tên bài và mỗi dòng thơ cách lề vở khoảng 2 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài và đầu mỗi dòng thơ; khổ thơ sau cách khổ thơ trước 1 dòng kẻ.

- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.
- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Chọn ng hoặc ngh thay cho ô trống

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.

Đáp án: ngập ngừng, nghe ngóng, nghỉ ngơi, ngành nghề.

c) Tìm và viết 2 – 4 tiếng có ng hoặc ngh

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.
- Ví dụ: nghĩ, ghé, nghĩa, ngồi, nghiệp, ngoài, ngân, người,...

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Thực hành viết đoạn văn tả đồ vật

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết đoạn văn tả đồ vật.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CÔ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 5.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.
 - + Viết vào sổ tay kế hoạch học tập của bản thân.
 - + Chuẩn bị Bài 6.

Bài 6

NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Người thầy của muôn đời*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương mẫu mực Chu Văn An – người thầy của muôn đời.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của HV về ích lợi của việc học tập, những ước muốn của bản thân liên quan đến việc học, những việc cần làm để thực hiện ước muốn.

3. Viết

- Viết chữ hoa D, Đ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 2 - 3 câu nêu ý kiến của bản thân về một câu tục ngữ.

4. Vận dụng: Biết chia sẻ cảm nghĩ của mình về ích lợi của việc học hoặc về những tấm gương học tập thành tài.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.
- Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập luyện tập gắn với bài đọc; các câu tục ngữ về học và hành.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Bạn biết câu chuyện, bài thơ hoặc câu tục ngữ nào ca ngợi thầy giáo (cô giáo)?
- Bạn suy nghĩ gì về câu chuyện, bài thơ hoặc câu tục ngữ ấy?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài, VD:
 - *Chu Văn An/học vấn tinh thông,/tiếng tăm lừng lẫy/nhưng không màng công danh/mà ở nhà dạy học.*
 - *Sau khi Chu Văn An qua đời,/vua cho người đến tế/và ra lệnh thờ ông/ở Văn Miếu Quốc Tử Giám.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Những chi tiết nào cho thấy Chu Văn An là người thầy học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy? (Chu Văn An chỉ ở nhà dạy học nhưng vua Trần Minh Tông nghe tiếng, mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám và dạy các thái tử).

(2) Vì sao có thể nói Chu Văn An là người thương dân, trọng lễ phải? (Ông rất thương dân: không phân biệt trò giàu hay nghèo; thường mang quà được biếu để tặng người nghèo. Ông rất trọng lễ phải: dâng sớ xin chém gian thần; vua không nghe, ông từ quan về ở ẩn).

(3) Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm yêu quý, nể trọng mọi người dành cho thầy Chu Văn An (Vua Minh Tông và vua Nghệ Tông mời ông ra làm quan; học trò cũ về thăm và biếu quà, dù làm quan to nhưng họ vẫn cung kính cúi lạy thầy; sau khi ông qua đời, vua cho người đến tế và ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu Quốc Tử Giám).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ phù hợp với mong muốn của bạn về các thầy giáo (cô giáo).
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên thảo luận theo cặp.
 - + Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung; GV nhận xét.
- Bài tập 2. Viết 2 – 3 câu về một thầy giáo hoặc cô giáo mà bạn quý mến.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
 - + Một số HV báo cáo kết quả.
 - + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về Chuyện học hành

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, nêu ý kiến của mình về “chuyện học hành”.
- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).
- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ về ước muốn của mình

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: tô và viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa D, Đ và câu ứng dụng (Dao có mài mới sắc, người có học mới nên; Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.)
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa D, Đ.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa D, Đ.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng:

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Dao có mài mới sắc, người có học mới nên.; Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc

Nêu ý nghĩa của câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim”; tìm những câu tục ngữ có ý nghĩa giống câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim”

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập và các câu tục ngữ.
- Học viên trao đổi theo cặp.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng:

+ Ý nghĩa của câu tục ngữ “Có công mài sắt, có ngày nên kim”: Nếu chúng ta chăm chỉ, kiên trì thì nhất định sẽ thành công.

+ Các câu tục ngữ có ý nghĩa giống câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”:
Có cày có thóc, có học có chữ; Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi; Dốt đến đâu học lâu cũng biết; Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.

b) Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về một câu tục ngữ

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 6.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu suy nghĩ về một câu tục ngữ.
- + Chuẩn bị Bài 7.

Chủ điểm: NGHỀ NGHIỆP

Bài 7

MÓN QUÀ QUÝ NHẤT (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Món quà quý nhất*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu lời khuyên từ câu chuyện: cần đọc nhiều sách để ứng dụng những điều hay lẽ phải trong sách vào công việc và cuộc sống.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Món quà quý nhất*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả đoạn trích trong bài *Món quà quý nhất* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *tr/ch*, *v/d*.

- Ghi chép lại được kết quả quan sát đồ vật theo gợi ý.

4. Vận dụng: Viết được một số lợi ích của việc đọc sách trong sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả; một số thẻ *g*, *gh* để HV gắn vào chỗ trống trong đoạn thơ.

- Tranh ảnh gợi ý hỗ trợ hoạt động quan sát đồ vật (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát tranh và dự đoán nội dung của bài đọc.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Hai người em đem về rất nhiều tiền và ngọc ngà, châu báu, còn người anh cả thì chỉ có một chiếc túi cũ rất nặng*).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để Học viên trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Ba anh em đi xa nhà để làm gì? (Ba anh em đi xa nhà để tìm công việc và tự kiếm sống trong vòng một năm).
- (2) Ai biểu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu? (Hai người em biểu cha mẹ nhiều ngọc ngà, châu báu).
- (3) Vì sao người cha quý món quà của người anh cả nhất? (VD: Vì người cha nhận thấy ý nghĩa của sách đối với công việc hằng ngày./ Vì người cha thấy rằng ngọc ngà, châu báu tiêu mãi cũng sẽ hết, chỉ có kiến thức trong sách là còn mãi./...).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ chỉ hoạt động.
- + Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân: tìm đúng đáp án từ chỉ hoạt động.
- + Học viên báo cáo kết quả. GV nhận xét, chốt đáp án đúng (B. học).

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 Học viên đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
 - + Học viên làm việc theo nhóm: Tìm từ ngữ gọi tên các đồ dùng học tập.
 - + Một số Học viên báo cáo kết quả. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
- (Ví dụ: sách, vở, bút, thước kẻ, hộp bút,...).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Món quà quý nhất

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Món quà quý nhất*.
- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, kể đã đúng trình tự câu chuyện không, nói đã thành câu chưa, dùng từ có hợp không?...).
- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
 - + Về nội dung.
 - + Về cách diễn đạt.

b) Cùng trao đổi về lợi ích của việc đọc sách

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- Giáo viên giảng giải thêm về lợi ích của việc đọc sách (VD: nâng cao kiến thức, cải thiện sự tập trung và tăng cường tư duy, cải thiện trí nhớ, giải tỏa căng thẳng,...).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu, trình bày đúng lời của người cha.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- Bài tập phân biệt tr/ch.
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án: trâu, chân, chẳng.** Giải đố: con rùa).
- *Bài tập phân biệt v/d.*
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án: chỉ dẫn, vẫy chào, việc làm, đồ dành.**)

TIẾT 5

5. Hướng dẫn viết đoạn văn giới thiệu đồ vật

a) Quan sát tranh, nói tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: quan sát tranh, trao đổi về tên một số đồ vật và nêu công dụng của chúng.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần)

b) Quan sát một đồ dùng học tập thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- Học viên làm việc cá nhân: chọn một đồ dùng học tập thường sử dụng, chọn từ ngữ thích hợp để ghi chép lại kết quả quan sát dựa vào gợi ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc kết quả quan sát trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 7.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện kết quả quan sát đồ dùng học tập.
- + Viết vào sổ tay một số lợi ích của việc đọc sách.
- + Chuẩn bị Bài 8.

Bài 8

TỤC NGỮ VỀ NGHỀ NGHIỆP (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu được ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp.

2. Luyện từ và câu:

- Từ chỉ hoạt động.
- Câu nêu hoạt động.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa E, Ê và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 3 - 4 câu giới thiệu đồ vật.

4. Vận dụng: Viết được một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp trong sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.
- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ bài tập 1, 2 - Từ và câu (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Những người trong tranh đang làm gì?
- Anh/chị biết những nghề nghiệp nào?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Những câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về kinh nghiệm trồng trọt? (Ăn kĩ no lâu, cày sâu lúa tốt./Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa./Lúa chiêm lấp ló đầu bờ - Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên./Khoai đất lạ, mạ đất quen./Ba tháng trồng cây không bằng một ngày trông quả).

(2) Câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp ổn định? (Một đồng một giỗ chẳng bỏ nghề đâu./Ruộng bèo bèo không bằng nghề trong tay./Một nghề cho chín còn hơn chín nghề./Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh).

(3) Anh/chị thích nhất câu tục ngữ, thành ngữ nào? Vì sao? (HV trả lời theo ý hiểu).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Ý nghĩa câu tục ngữ “Một nghề cho chín còn hơn chín nghề”:

+ Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng (Câu tục ngữ nói về sự tu dưỡng nghề nghiệp, học nghề gì, làm việc gì cũng phải cho đến nơi đến chốn, cái đích hướng đến là sự thành đạt của bản thân, nghĩa gắn với câu “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”).

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp của những người được vẽ trong tranh:

+ Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên trao đổi theo nhóm.

+ Một số HV báo cáo kết quả; GV và cả lớp xác nhận kết quả (1. Công nhân; 2. Công an; 3. Nông dân; 4. Bác sĩ; 5. Lái xe; 6. Người bán hàng).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ chỉ hoạt động; Câu nêu hoạt động

a) Xếp các từ vào nhóm thích hợp

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xếp các từ vào nhóm thích hợp.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Nhóm 1. Từ ngữ chỉ sự vật: ruộng, khoai, cây, lúa.
- Nhóm 2. Từ ngữ chỉ hoạt động: ăn, đi, làm việc, trồng, học, cày.

b) Nối từ ngữ để tạo thành câu nêu hoạt động

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu nêu hoạt động.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp).

- Học viên báo cáo kết quả trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:

Mặt trời toả ánh nắng rực rỡ lên cánh đồng làng.

Những người nông dân đang cấy lúa trên cánh đồng.

Chú chim nhỏ hót líu lo trên cành cây cao.

c) Đặt câu nêu hoạt động

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Đặt 1 - 2 câu nói về hoạt động ở lớp của anh/chị.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng (*Én bay thấp, mưa ngập bờ ao. Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.*)
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa E, Ê; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa E, Ê.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:
Én bay thấp, mưa ngập bờ ao.
Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn tả đồ vật

a) Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào kết quả quan sát ở tuần trước để viết đoạn văn giới thiệu đồ vật.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 8.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn giới thiệu đồ vật.
 - + Viết vào sổ tay một số câu tục ngữ, thành ngữ về nghề nghiệp mà anh/chị yêu thích.
 - + Chuẩn bị Bài 9.

Bài 9

CHỊ LÝ LÀM GIÀU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Chị Lý làm giàu*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu nội dung bài đọc: chị Lý đã có quyết tâm làm việc để gia đình có thu nhập và có cuộc sống tốt hơn.

2. Nói và nghe:

- Trình bày được suy nghĩ của bản thân về nghề nghiệp mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích).

- Rèn kĩ năng nói và đáp lời cảm ơn.

3. Viết: Viết đúng chính tả bài thơ *Bài hát trồng cây* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng s/x.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu câu chuyện “Người làm vườn và các con trai” và viết được 2 – 3 câu nêu về ý nghĩa câu chuyện.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh phục vụ bài tập luyện tập gắn với văn bản đọc (nếu có).

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2, 3.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Quan sát tranh và cho biết người phụ nữ trong tranh đang làm gì?

- Kể về một vài việc làm của những người xung quanh để giúp gia đình có cuộc sống và thu nhập tốt hơn.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.

- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD: *Mới chỉ qua 5 năm,/xung quanh nhà chị Lý đã có 8 mẫu cây lấy gỗ,/có gần 200 cây ăn quả xum xuê tươi tốt.*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Gia đình chị Lý sinh sống ở đâu? (Gia đình chị Lý sống ở bản Nà Lừa miền núi Sơn Động).

(2). Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp đỡ làm gì? (Chị Lý được cán bộ lâm nghiệp giúp về kĩ thuật ươm cây).

(3). Chị Lý đã trồng cây theo cách nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao? (Chị Lý trồng cây theo cách nông lâm kết hợp. Trên đồi cao chị trồng cây lấy gỗ. Ở chỗ thấp, chị trồng cây ăn quả xen thêm rau, đậu).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ về cây cối.

+ Giáo viên nêu yêu cầu: Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi nhóm từ (Nhóm 1: Cây lấy gỗ; Nhóm 2: Cây lương thực, thực phẩm).

+ Học viên thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến bổ sung; GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Nhóm 1. (Cây lấy gỗ): *xoan, lim, lát hoa, mun, thông, mỡ, trắc, gụ,...*
- Nhóm 2. (Cây lương thực, thực phẩm): *lúa, ngô, khoai, sắn, lạc, đậu, đỗ, cà chua, su su,...*

- Bài tập 2. Viết 1 – 2 câu về việc anh/chị mong muốn làm để tăng thêm thu nhập.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Nghề nào cũng quý

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về nghề nghiệp mà mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích)

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, trả lời các câu hỏi về nghề nghiệp mà mình đang làm (hoặc nghề nghiệp mà mình yêu thích).

- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).

- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ về ước mơ của mình

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung.

c) Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống sau:

- Học viên làm việc theo cặp, đóng vai nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với tình huống.

- Một số cặp trình bày kết quả đóng vai trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, điều chỉnh (nếu cần).

- Giáo viên lưu ý thêm HV về cách nói và đáp lời cảm ơn phù hợp tình huống giao tiếp.

- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết: Bài hát trồng cây

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.

- Giáo viên đọc mẫu 3 khổ thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại 3 khổ thơ trước lớp.

- Giáo viên hướng dẫn HV nắm nội dung 3 khổ thơ: cây xanh mang lại cho con người cái đẹp, ích lợi và hạnh phúc.

- Giáo viên hướng dẫn HV:

+ Viết tên bài và mỗi dòng thơ cách lề vở khoảng 2 ô vuông lớn.

+ Viết hoa chữ cái đầu bài và đầu mỗi dòng thơ; khổ thơ sau cách khổ thơ trước 1 dòng kẻ.

- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- **Bài tập phân biệt s/x**

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.

- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án:** ngôi sao, xôn xao; xâu kim, chim sâu; sổ tay; xỏ sổ)
- *Bài tập phân biệt dấu hỏi/dấu ngã*
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ ngữ đúng chính tả vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án:** chim sẻ, cái võng, bãi cỏ, con muỗi, cái chổi, ngã ba đường).

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) *Đọc truyện và trả lời câu hỏi*

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm truyện *Người làm vườn và các con trai*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Người làm vườn đã dạy nghề cho các con bằng cách nào? (Trước khi mất, người làm vườn dặn dò con tìm kĩ vật giấu trong vườn; nhờ đào bới kĩ đất mà các con đã có một vụ mùa bội thu).

b. Vì sao các con của người làm vườn trở nên giàu có? (Vì đào xới đất kĩ, vườn nho ra quả nhiều, các con của người làm vườn đã thu hoạch và bán được rất nhiều tiền và trở nên giàu có).

b) *Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ về ý nghĩa của câu chuyện*

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 9.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện *Người làm vườn và các con trai*.
 - + Chuẩn bị cho Bài 10.

Chủ điểm: BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG

Bài 10

CÂY CẦU (5 tiết)

I. Mục tiêu

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài Cây cầu, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được nội dung chính của câu chuyện là nói đến lòng vị tha, tình cảm anh em gắn bó.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện Cây cầu.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa G, H và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu cảm ơn.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số tranh, ảnh, bài thơ về tình cảm anh em, gia đình.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: hãy chia sẻ những tình cảm/kỷ niệm (có thể cả những kỷ niệm không vui) của mình đối với người thân trong gia đình (anh/chị/em,...).

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Tình cảm của hai anh em trước đây như thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi. (Trước đây hai anh em rất yêu thương nhau).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Hai anh em đã làm gì khi hiểu lầm nhau?).
- Học viên trả lời câu hỏi. (Hai anh em không nói chuyện với nhau nữa).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 và 4. (Bác thợ mộc đã giải quyết mâu thuẫn giữa hai anh em bằng cách nào? Câu chuyện muốn khuyên mọi người điều gì?).

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau. VD: Thay vì xây một hàng rào cao chắn ngang hai nhà thì bác thợ mộc đã xây một cây cầu chạm khắc rất đẹp nối hai nhà với nhau. Câu chuyện muốn khuyên mọi người hãy vị tha trong cuộc sống, luôn yêu thương đùm bọc lẫn nhau, rộng lượng với những lỗi lầm của người khác thì sẽ được đền đáp.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: tìm các câu tục ngữ, ca dao nói về tình cảm, cách ứng xử giữa anh chị em trong gia đình.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

1. Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
2. Anh em trên kính dưới nhường
Là nhà có phúc, mọi đường yên vui.
3. Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong các thành ngữ, tục ngữ tìm được ở Bài 1

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án: đỡ đần, nhường, yêu.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Cây cầu

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện Cây cầu.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không?,...)

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về giọng nói, điệu bộ.

b) Nêu suy nghĩ của bạn về cách đối xử với những người thân trong gia đình

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.
- Giáo viên giảng giải thêm: đối với những người thân trong gia đình cần có cách đối xử đùm bọc, yêu thương, che chở lẫn nhau.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa G, H.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa G, H; phân tích cấu tạo của 2 chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa G, H.
- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ G như sau:

+ Chữ hoa G cao 5 li.

+ Chữ hoa G được viết bằng 2 nét: nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản, nét cong dưới và nét cong trái nối liền nhau tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, gần giống chữ hoa C. Nét 2, khuyết ngược.

+ Cách viết:

- Nét 1, đặt bút trên đường kẻ 6. Viết nét cong dưới rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong trái tạo vòng xoắn to ở đầu chữ phần cuối nét cong trái. Dừng bút ở đường kẻ 3.
- Nét 2, từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng ngược lại. Viết nét khuyết ngược, kéo dài xuống đường kẻ 4 phía dưới. Dừng bút ở đường kẻ 2 trên.

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ H như sau:

+ Chữ hoa H cao 5 li.

+ Chữ hoa H được viết bằng 3 nét: Nét 1: Kết hợp 2 nét cơ bản cong trái và lượn ngang. Nét 2: Kết hợp của 3 nét cơ bản khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải.

Nét 3: Nét thẳng đứng (nằm giữa đoạn nối của 2 nét khuyết).

+ Cách viết:

- Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét cong trái rồi lượn ngang giống nét đầu ở K.
- Nét 2 từ điểm dừng bút của nét 1, viết nét khuyết ngược, nối liền sang nét khuyết xuôi, cuối nét khuyết xuôi lượn lên viết nét móc phải, dừng bút trên đường kẻ 2.
- Nét 3 từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 4 viết một nét thẳng đứng cắt giữa đoạn nối 2 nét khuyết, dừng bút trên đường kẻ 2.

b) Viết ứng dụng:

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong sách HV (Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng./Học ăn, học nói, học gói, học mở).

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Lời cảm ơn

- Học viên cho biết trong cuộc sống những tình huống nào cần viết tin nhắn cảm ơn.
- Giáo viên mời một số HV trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét.
- Học viên làm việc cá nhân. Lựa chọn một tình huống, viết 3 – 4 câu cảm ơn. Viết xong, tự đọc soát và chỉnh sửa.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 10.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn viết lời cảm ơn.
 - + Trao đổi với người thân về ý nghĩa của việc nói lời cảm ơn.
 - + Chuẩn bị Bài 11.

Bài 11

TỤC NGỮ VỀ CUỘC SỐNG (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Tục ngữ về cuộc sống*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được nội dung, ý nghĩa của các câu tục ngữ.

2. Luyện từ và câu: Nhận biết được từ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm.

3. Viết

- Viết đúng chính tả 4 câu tục ngữ trong bài *Tục ngữ về cuộc sống* (câu 1 - 4) theo hình thức nghe – viết; viết đúng các tiếng mở đầu bằng *r/d/gi*; điền đúng các từ có vần *an* hay *ang*; *ăn* hay *ăng*.

- Viết được 3 – 4 câu nói lời xin lỗi.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện từ và câu (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ với bạn trong cuộc sống mọi người nên đối xử với nhau như thế nào.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Câu tục ngữ nào nói về cách sống phải có trước, có sau?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Lúc nghèo thì chẳng ai nhìn/Đến khi đỗ trạng chín nghìn anh em).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2, 3 (Câu tục ngữ nào nói về tinh thần tôn sư trọng đạo? Những câu tục ngữ trên nói về điều gì?)
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Các câu tục ngữ nói về cách sống, đối xử với những người xung quanh trong cuộc sống hằng ngày: Sống trước sau như một, không vì lúc nghèo thì coi thường, lúc giàu thì bám lấy; tôn sư trọng đạo; giữ gìn phẩm chất trong sạch dù trong hoàn cảnh nào,...
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nêu 2 - 3 câu tục ngữ nói về cách ứng xử, giao tiếp của con người trong cuộc sống.
 - + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm các câu tục ngữ nói về ứng xử, giao tiếp.
 - + Học viên nói trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.
- Ăn trông nòi, ngồi trông hướng.
- Uốn lười bảy lần trước khi nói.
- Lời chào cao hơn mâm cỗ.
- Một câu nhin, chín câu lành.
-

- Bài tập 2. Viết lại các câu tục ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.
- + Học viên đọc lại các câu tục ngữ đã tìm được ở bài tập 1.
- + Học viên làm việc cá nhân: Viết vào vở.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm

a) Bài tập 1

+ Giáo viên nêu yêu cầu: quan sát các bức tranh trên bảng và trả lời câu hỏi trong sách HV.

+ Học viên làm việc nhóm: quan sát tranh, dựa vào gợi ý nói câu trả lời câu hỏi.

+ Giáo viên mời một số HV lên nói.

+ Cả lớp/GV nhận xét.

b) Bài tập 2

+ Giáo viên nêu yêu cầu: Viết các từ ngữ nêu đặc điểm của sự vật được vẽ trong tranh.

+ Học viên làm việc cá nhân.

+ Giáo viên mời một số HV lên bảng viết từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được.

Ví dụ: núi cao, trời xanh, hoa màu đỏ,...

c) Bài tập 3: Đặt 2 - 3 câu với từ ngữ đã viết ở bài 2.

+ Học viên làm việc cá nhân.

+ Giáo viên mời một số HV lên bảng làm bài.

Ví dụ: Trong vườn có cây hoa màu đỏ.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ 4 câu tục ngữ đầu (câu 1 - 4).

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các câu tục ngữ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.

- Học viên nghe GV đọc và viết vào vở.

- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp bài của mình đã viết.

b) Làm bài tập phân biệt r/d/gi

- Bài tập 1

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: Ruột để ngoài da; Gieo gió gặt bão; Lá lành đùm lá rách).

- Bài tập 2
- + Học viên trao đổi nhóm, tìm và viết các từ có nghĩa chứa các vần **an** hay **ang; ăn hay ăng**.
- + Học viên làm bài trên bảng lớp: *ngang, hạn hán, ngắn, măng*.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài văn: Lời xin lỗi

- Học viên cho biết trong cuộc sống những tình huống nào cần gửi lời xin lỗi.
- Giáo viên mời một số HV trình bày trước lớp. Cả lớp nhận xét.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Lựa chọn một tình huống, viết 3 – 4 câu gửi lời xin lỗi.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý. GV lưu ý HV trong việc dùng từ ngữ khi viết tin nhắn xin lỗi.

IV. CÙNG CÔ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 11.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn viết lời xin lỗi.
- + Trao đổi với bạn cách dùng từ ngữ khi nói lời xin lỗi.
- + Chuẩn bị Bài 12.

Bài 12

TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Tay trái và tay phải*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được nội dung chính của văn bản: dù là tay trái hay tay phải đều quan trọng như nhau. Hai tay phải cùng làm việc thì mới có thể hoàn thành công việc dễ dàng được.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của mình về những điều tốt đẹp bạn học được từ những người xung quanh.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa I, K và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu văn bản *Cậu bé và những vết đinh*; Viết được 3 - 4 câu về bài học rút ra từ câu chuyện.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số tranh, ảnh việc tập thể dục.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: nói về những việc làm cần có cả hai tay mới làm được.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).
- Giáo viên hướng dẫn đọc đúng tiếng/từ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của phát âm địa phương; hướng dẫn ngắt câu dài.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Vì sao tay phải trách tay trái?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên trả lời câu hỏi (Vì: tay trái không phải làm việc gì nặng nhọc còn tay phải thì phải làm mọi thứ).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Không có sự giúp đỡ của tay trái, tay phải khó khăn như thế nào?)
- Học viên trả lời câu hỏi (Không thể cầm được cốc nước, không thể cài khuy áo, không có tay nào giữ giấy).
- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Tay phải đã nhận ra điều gì?)
- Học viên trả lời câu hỏi (Tay phải và tay trái quan trọng như nhau. Nếu không có tay trái thì tay phải không thể làm hết mọi việc một mình được).
- Giáo viên nêu câu hỏi 4 (Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?)
- Học viên trả lời câu hỏi (Tay trái hay tay phải đều quan trọng như nhau. Hai tay phải cùng làm việc thì mới có thể hoàn thành công việc dễ dàng được).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.
(Gợi ý: *nặng, buồn bã, nhanh chóng*)
- Bài tập 2. Đặt câu với 2 – 3 từ ngữ tìm được ở bài 1.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết theo yêu cầu.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.
- Ví dụ: *Chiếc túi đựng đồ rất nặng.*

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Bài học từ cuộc sống

- Giáo viên nêu yêu cầu: Chuẩn bị bài nói theo gợi ý của các câu hỏi trong sách HV.
- Học viên làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi.
- Học viên trình bày trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:
- + Về nội dung.
- + Về giọng nói, điệu bộ.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tập viết.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Tô và viết chữ hoa I, K.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa I, K; phân tích cấu tạo của 2 chữ đó.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa I, K.
- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ I như sau:

+ Chữ hoa I cao 5 li.

+ Chữ hoa I được viết bằng 2 nét: nét 1 là cong trái và nét lượn ngang, nét 2 là nét móc ngược trái (đầu nét hơi lượn, đuôi nét lượn hẳn vào trong gần giống nét 1 ở chữ B).

+ Cách viết:

- Nét 1, đặt bút trên đường kẻ 5. Viết nét cong trái rồi lượn ngang giống nét đầu của chữ H.
- Nét 2, từ điểm dừng bút của nét 1, hơi lượn xuống để viết nét móc ngược trái khi chạm đường kẻ 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút trên đường kẻ 2 (chân nét móc rộng hơn nét cong ở đầu chữ).

- Giáo viên có thể hướng dẫn cụ thể chữ K như sau:

+ Chữ hoa K cao 5 li.

+ Chữ hoa K được viết bằng 3 nét: Nét 1 và 2 giống cấu tạo chữ I. Nét 3 là kết hợp của 2 nét cơ bản móc xuôi phải và móc ngược phải nối liền nhau tạo một vòng xoáy nhỏ ở giữa thân chữ (nằm giữa đoạn nối của 2 nét khuyết).

+ Cách viết:

- Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét cong trái rồi lượn ngang giống nét đầu ở chữ H và I.
- Nét 2 từ điểm dừng bút của nét 1, hơi lượn xuống để viết nét móc ngược trái khi chạm đường kẻ 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút trên đường kẻ 2.
- Nét 3 từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 5 để viết nét móc xuôi phải đến khoảng giữa thân chữ thì lượn vào trong và tạo vòng xoắn nhỏ lồng vào thân nét móc (nét 2) rồi viết tiếp nét móc ngược phải, dừng bút trên đường kẻ 2.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên mời HV đọc từ ngữ ứng dụng trong sách HV (Im hơi lặng tiếng./ Kiến tha lâu cũng đầy tổ).
- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng, nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc văn bản và trả lời câu hỏi.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm văn bản *Cậu bé và những vết đinh*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

- Người cha khuyên cậu bé khi nóng giận hãy đóng những chiếc đinh lên hàng rào gỗ.
- Khi nhỏ những chiếc đinh ra khỏi hàng rào, trên hàng rào có những chiếc lỗ để lại.
- Người cha muốn dạy cho cậu bé: cơn giận dữ như những chiếc đinh đóng lên hàng rào, sẽ để lại tổn thương đối với người khác. Sự tổn thương bằng tinh thần là thứ không nhìn thấy được thì sẽ đau đớn hơn rất nhiều sự tổn thương về thể xác.

b) Viết 3 - 4 về bài học bạn rút ra khi đọc xong câu chuyện *Cậu bé và những vết đinh*

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

Gợi ý:

Phải biết giữ bình tĩnh vì những điều mình nói ra trong lúc giận dữ sẽ để lại trong lòng người khác những vết thương khó lành lại được.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 12.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Chia sẻ với người thân những tình cảm của bạn dành cho họ.
 - + Chuẩn bị Bài 13.

Chủ điểm: MÁI ẤM GIA ĐÌNH

Bài 13

QUÀ TẶNG CHA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng câu chuyện *Quà tặng cha*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... của các nhân vật trong câu chuyện, hiểu tấm lòng và tài năng của Pa-xcan.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Quà tặng cha*

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong câu chuyện *Quà tặng cha* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng l/ n hoặc tiếng có vần ân/âng
- Viết được 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tư liệu về nhà bác học Pa-xcan.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói những điều mình biết về một nhà khoa học hoặc những sản phẩm do họ nghiên cứu hoặc sáng chế.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tóm tắt ảnh.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về tài năng của nhà khoa học Pa-xcan và tấm lòng hiếu thảo của ông dành cho cha mình.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Pa-xcan chứng kiến bố mình làm việc thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi (VD: Pa-xcan chứng kiến bố mình làm việc vất vả đến tận khuya, phải kiểm tra sổ sách của Sở Tài chính, những dãy tính cộng với hàng ngàn con số).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Pa-xcan đã làm gì để giúp bố? Món quà đó được làm trong bao lâu?)

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Thấy bố mình làm việc vất vả, rất dễ nhầm lẫn, nên nhà toán học trẻ tuổi đã nảy ra ý định làm một chiếc máy tính tặng bố. Món quà này Pa-xcan làm trong mười hôm.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Bạn nghĩ gì về việc làm của Pa-xcan?)

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét hoặc đưa ra những ý kiến tranh luận.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm những từ ngữ nói lên phẩm chất của Pa-xcan:

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

- Với vai trò một người con.

M: hiếu thảo, thương cha, quan tâm đến cha,...

- Với vai trò một nhà toán học.

M: tài giỏi, say mê nghiên cứu, thông thái,...

- Bài tập 2. Tìm trong câu chuyện *Quà tặng cha* câu văn cho thấy chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới ra đời thấm đượm tình phụ tử.

+ Học viên làm việc nhóm thực hiện yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Giáo viên nêu đáp án: Câu “Đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo”.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Quà tặng cha

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Quà tặng cha*. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ những câu nói, suy nghĩ của Pa-xcan.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về giọng nói, điệu bộ.

b) Trao đổi về những việc con cái nên làm cho cha mẹ

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.

- Giáo viên giảng giải thêm về trách nhiệm và nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trích đoạn câu chuyện *Quà tặng cha*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.
- Học viên nghe GV đọc từng câu / từng cụm từ để viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

l/ n	ân/ âng
Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra Một lòng thờ mẹ kính cha Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.	- Chân cứng đá mềm - Chị ngã em nâng - Cả giận mất khôn - Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với người thân

a) Nói về hành động, việc làm thể hiện tình cảm của các nhân vật được thể hiện trong tranh

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về hoạt động, việc làm thể hiện tình cảm của nhân vật được vẽ trong mỗi tranh.
- + Tranh 1: Cả nhà quây quần bên mâm cơm.
- + Tranh 2: Bà kể chuyện cho cháu nghe.
- + Tranh 3: Ông hái quả chín cây cho cháu.

b) Viết 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và gợi ý để viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.

- Người thân của bạn là ai?
- Người đó đã làm gì hoặc có điểm nào đặc biệt khiến bạn có tình cảm, cảm xúc?
- Bạn có tình cảm, cảm xúc như thế nào khi nghĩ về người đó?

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 13.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.
 - + Hãy nói chuyện hoặc nhắn tin thể hiện tình cảm của bạn dành cho người thân.
 - + Chuẩn bị Bài 14.

Bài 14

GẶP LÁ CỜM NẾP (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Gặp lá cờm nếp*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu được cảm xúc, tình yêu đối với gia đình, với quê hương, đất nước của người lính hành quân trên đường rừng Trường Sơn trong những năm tháng chiến tranh.

2. Luyện từ và câu: Phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ hoạt động, nhận biết được công dụng của dấu chấm khi viết câu.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa L và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu thuật nêu tình cảm, cảm xúc.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ hoa L.
- Tranh ảnh về bộ đội hành quân trên rừng Trường Sơn.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết cuộc sống, nhiệm vụ,... của những người lính.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.

- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ của tác giả Thanh Thảo thể hiện tâm trạng, cảm xúc tình yêu của người lính Trường Sơn đối với gia đình, với quê hương, đất nước trong những năm tháng chiến tranh.

- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:

+ lạ lùng, chiều nay,...

+ mùa gặt, quê hương,...

- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.

- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Nhân vật trong bài thơ nhớ tới điều gì khi xa nhà?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại bài thơ, tìm những câu thơ nói lên nỗi nhớ của nhân vật người con để chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 1.

- Học viên trao đổi theo cặp hoặc nhóm: từng người nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

(Ví dụ: Trên đường hành quân giữa rừng Trường Sơn, gặp mùi hương của lá cây cơm nếp, người con xa quê bỗng nhớ, bỗng thêm bát xôi mùa gặt).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Hình ảnh của ai, hương vị nào hiện lên trong nỗi nhớ của người xa nhà, xa quê?)

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời.

(Ví dụ: Hình ảnh của mẹ, hương vị quê hương – đó là mùi xôi nếp mùa gặt, mùi lá cơm nếp đun bếp... đã hiện lên trong nỗi nhớ của người con xa nhà, xa quê.

Mẹ ở đâu, chiều nay

Nhặt lá về đun bếp

Phải mẹ thổi cơm nếp

Mà thơm suốt đường con.

Ồi mùi vị quê hương

Con quên làm sao được

Mẹ già và đất nước

Chia đều nỗi nhớ thương.

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Hai dòng thơ cuối bài cho biết điều gì?)

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các cách giải thích khác nhau, VD: Cây cối rừng Trường Sơn hiểu lòng người, lá cây cơm nếp toả hương thơm để người lính có cảm giác đang ở giữa quê hương mình./Mùi lá cơm nếp khiến rừng Trường Sơn thân thuộc như chính quê hương/...

- Giáo viên nhắc HV học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm trong bài “Gấp lá cơm nếp” những từ ngữ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm từ ngữ theo yêu cầu.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả. (VD: Người con thăm hỏi mẹ đang ở đâu, có phải mẹ đang nhặt lá cơm nếp về đun để đường hành quân của con thơm mùi cơm nếp, để con thấy nhớ thương mẹ...).

- Bài tập 2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm trong bài thơ.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết từ ngữ tìm được vào vở.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các từ tìm được, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

Từ ngữ chỉ hoạt động: thêm, bay, nhặt lá, thổi cơm, quên, chia đều, hiểu.

Từ ngữ chỉ đặc điểm: lạ lùng, thơm, nhỏ, xa.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; dấu chấm

a) Bài tập 1: Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, tìm từ ngữ gọi tên sự vật, nêu hoạt động của người, vật trong tranh.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả các kết quả đúng:

Ví dụ:

- Từ ngữ chỉ sự vật

+ Từ ngữ chỉ người: mẹ, bố/ ba, chị, em, cô bé, cậu bé,...

+ Từ ngữ chỉ vật: ngôi nhà, sân, vườn, cây, giếng, gà,...

- Từ ngữ chỉ hoạt động

M: nhặt rau, múc nước, thái rau, quét sân, cho gà ăn, nhặt thóc,...

b) Đặt câu có từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động tìm được ở bài 1

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2 và mẫu: Mẹ tôi nhặt rau.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): đặt câu với các từ tìm được ở bài tập 1 (GV nói HV đặt số câu theo khả năng của mình).

- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc các câu đã đặt, cả nhóm góp ý.

- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

c) Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô vuông

- Giáo viên nêu yêu cầu và cách làm.

- Học viên làm việc cá nhân.

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV điền dấu câu chưa đúng.

Đáp án:

Căn nhà tôi núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xòe ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng, bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa L, từ và câu ứng dụng (Lê Lợi, Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa L; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa L.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một người mình yêu quý

a) Viết đoạn văn theo gợi ý

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và gợi ý để viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.

- | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none">- Người mà bạn yêu quý là ai?- Bạn yêu quý người đó ở điểm nào?- Bạn có tình cảm, cảm xúc như thế nào khi nghĩ về người đó (hoặc bạn đã thể hiện tình cảm của mình đối với người đó thế nào)? |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý.

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 14.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn theo góp ý của GV.
 - + Chia sẻ bài viết của mình với người thân hoặc làm điều gì đó để thể hiện tình cảm đối với người thân.
 - + Chuẩn bị Bài 15.

Bài 15

HAI ANH EM (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong câu chuyện *Hai anh em*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được chi tiết nêu hành động, việc làm, suy nghĩ... của các nhân vật trong câu chuyện. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ, cảm xúc của mình về chủ điểm Tình cảm gia đình.

3. Viết: Viết đúng chính tả đoạn thơ trong *Gấp lá cơm nếp* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ có tiếng chứa vần iêu/ươu hoặc iên/iêng.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu câu chuyện *Sự tích người cha*; viết cảm nghĩ về câu chuyện đó.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số câu chuyện về tình cảm gia đình.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi ý kiến về cách ứng xử giữa những người thân trong gia đình.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện kể về cách ứng xử và tình yêu thương của anh em trong nhà.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + Bó lúa, nuôi vợ con,...
 - + Vất vả, ngạc nhiên,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Cùng trồng cây trên một thửa ruộng, đến mùa gặt, hai anh em đã chia lúa thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại đoạn đầu câu chuyện, tự trả lời cho câu hỏi 1.

- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Cùng trồng cây trên một thửa ruộng, đến mùa gặt, hai anh em đã chia lúa thành 2 đồng bằng nhau, để cả ở ngoài đồng).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Vì sao hai anh em thầm lặng chia lại lúa cho nhau?).

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (Hai anh em đều quan tâm đến nhau, nghĩ về nhau, thương nhau nên đã có hành động giống nhau: lấy lúa của mình chia thêm cho người kia).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Câu chuyện kết thúc thế nào?).

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi (Có thể đọc đoạn kết thay cho câu trả lời).

- Giáo viên nêu câu hỏi 4 (Nêu cảm nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện).

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận những câu trả lời phù hợp, VD: Cảm thấy xúc động về tình yêu thương hai anh em dành cho nhau/...).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ đã cho thành 3 nhóm.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật: ruộng, lúa, cánh đồng.

Từ ngữ chỉ hoạt động: gặt, ra đồng, cày (không phải cái cày).

Từ ngữ chỉ đặc điểm: kì lạ, vất vả.

- Bài tập 2. Tìm thêm từ ngữ chỉ hoạt động làm ruộng.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết từ ngữ tìm được vào vở.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các từ ngữ tìm được, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

(Ví dụ: gieo mạ, nhổ mạ, cấy, nhổ cỏ,...).

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Tình cảm gia đình

a) Chuẩn bị ý kiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: Hãy suy nghĩ của mình về tình cảm gia đình.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, chuẩn bị ý kiến của mình.

a) Gia đình bạn có những ai?

b) Ai là lao động chính, là trụ cột của gia đình bạn?

c) Nêu tình cảm, cảm xúc của bạn về mọi người trong gia đình?

b) Chia sẻ ý kiến

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- Học viên trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Gặp lá cơm nếp*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày các dòng thơ, khổ thơ; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- Học viên nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân (quan sát tranh, tìm từ nêu sự vật, hoạt động), sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

iêu/ươu	iên/iêng
- hươu/con hươu.	- biển báo/biển báo giao thông.
- khướu/chim khướu.	- biển/sóng biển/chao liêng.
- điều/ thả điều/cánh điều/dây điều.	- cồng chiêng/đánh chiêng/...

TIẾT 5

5. Vận dụng

a) Đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc câu chuyện *Sự tích người cha* và trả lời câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân theo yêu cầu.
- + Đọc câu chuyện.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về vai trò người cha trong gia đình

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và tự viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ.
- Học viên làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 15.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn về chủ điểm gia đình.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 16.

Chủ điểm: NHỮNG NGƯỜI QUANH TA

Bài 16

BÀN CHÂN KÌ DIỆU (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong truyện *Bàn chân kì diệu*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản. Hiểu nội dung câu chuyện: kể về tấm gương hiếu học và vượt khó của thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Bàn chân kì diệu*.

3. Viết:

- Viết đúng chữ hoa M, N và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm đối với một người.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ và/hoặc phiếu học tập có nội dung bài tập luyện tập gắn với bài đọc.
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp học theo nhóm:

- Những khó khăn trong học tập mà mỗi người có thể gặp.
- Cần làm gì để vượt qua những khó khăn đó?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn truyện; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài hoặc câu không có dấu câu ở giữa (Ví dụ: *Trên chiếc chiếu nhỏ ở góc lớp/không bao giờ vắng mặt Ký*).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Vì sao cô giáo quyết định nhận Nguyễn Ngọc Ký vào học, dù biết việc học vô cùng khó khăn với Ký? (Cô đến nhà, rất xúc động khi thấy Ký tập viết bằng chân; cô quyết định giúp Ký có cơ hội học tập).

(2) Nguyễn Ngọc Ký đã nỗ lực học tập như thế nào? (Ký tập viết bằng chân ở nhà. Tập viết nhiều, ngón chân Ký mỏi nhừ, còn giấy thì nhàu nát, mực dây nhoè nhoẹt nhưng Ký không nản; Ký không khi nào nghỉ học).

(3) Công sức học tập của Nguyễn Ngọc Ký đã thu được đền đáp xứng đáng như thế nào? (Ký học rất giỏi, hai lần được vinh dự nhận Huy hiệu Bác Hồ; đỗ vào trường đại học, trở thành thầy giáo. Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký được phong danh hiệu Nhà giáo Ưu tú).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm phù hợp với mỗi nhóm
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp: Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi vị trí trong bảng
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung.
- + Giáo viên nhận xét; HV chữa bài (nếu cần).

Giáo viên	- Từ ngữ chỉ hoạt động: dạy đọc, dạy viết, đọc mẫu, đặt câu hỏi, tổ chức thảo luận,...
	- Từ ngữ chỉ đặc điểm: tận tình, cần mẫn, từ tốn, thông thả, nhanh nhẹn, kiên trì,...
Học sinh	- Từ ngữ chỉ hoạt động: tập đọc, tập viết, thảo luận, nói, nghe, viết,...
	- Từ ngữ chỉ đặc điểm: hiếu học, cẩn thận, chăm chỉ, cần cù,...

- Bài tập 2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài 1: một câu nói về thầy giáo (cô giáo), một câu nói về học sinh.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Bàn chân kì diệu

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Bàn chân kì diệu*.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện.
- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét.

b) Nêu suy nghĩ về ích lợi của việc học đối với bản thân, gia đình và xã hội

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu:
- + Học tập giúp cuộc sống của mỗi cá nhân thay đổi như thế nào?
- + Nếu mọi người đều chăm chỉ học tập và mở mang hiểu biết, cuộc sống của mỗi gia đình thay đổi như thế nào, xã hội sẽ thay đổi như thế nào?
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa M, N và câu ứng dụng (*Muốn giỏi phải học; Ngọc càng mài càng sáng.*)
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa M, N; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau giữa M và N.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa M, N theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Muốn giỏi phải học; Ngọc càng mài càng sáng*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

a) Dựa vào tranh, nói suy nghĩ, tìm cảm đối với một nhân vật trong truyện Bàn chân kì diệu

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc theo cặp: xem tranh, đọc phần lời dưới tranh.
- Học viên làm việc nhóm đôi, nói suy nghĩ, tìm cảm đối với nhân vật yêu thích (cô giáo hoặc Nguyễn Ngọc Ký).

b) Viết lại suy nghĩ, tìm cảm đối với Nguyễn Ngọc Ký (hoặc cô giáo) bằng 3 – 4 câu

- Học viên làm việc cá nhân, viết 3 – 4 câu vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 16.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nói về tình cảm của bạn đối với Nguyễn Ngọc Ký (hoặc cô giáo).
 - + Viết vào sổ tay: những khó khăn của bản thân trong học tập; quyết tâm khắc phục khó khăn để việc học của bạn đạt kết quả tốt.
 - + Chuẩn bị cho bài 17.

Bài 17

TIẾNG KỂNG CÔ NUÔI CÁ (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Tiếng kểng cô nuôi cá*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận biết được vẻ đẹp của người lao động qua hình ảnh cô nuôi cá.

2. Luyện từ và câu:

- Luyện tập về từ chỉ sự vật, đặc điểm.
- Biết sử dụng dấu chấm hỏi (viết câu hỏi).

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài *Người làm đồ chơi* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng có vần *iu/ưu* hoặc có vần *uôn/uông*.
- Viết được 4 – 5 câu nêu suy nghĩ, cảm xúc đối với một sự việc đã tham gia.

4. Vận dụng: Kể được về một người mà mình quý mến, nêu lí do vì sao quý mến người đó.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2.
- Tranh phục vụ bài tập luyện tập viết đoạn văn (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, nói về:

- Một nghề có ở địa phương (VD: trồng lúa, trồng rau, làm đồ gỗ, thêu, đan mây tre,...).
- Giá trị của nghề đó đối với đời sống của người dân địa phương.
- Vẻ đẹp của người lao động khi làm việc (khi chăn nuôi, trồng trọt, thêu, đan,...).

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

*Hồ sủi tắm/như sôi,
Rêu xanh/choài mặt nước.
Thức ăn ngon/tận môi,
Đàn cá/thì nhau đớp.*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Cô nuôi cá gõ keng để làm gì? (Cô gái gõ keng để gọi đàn cá lên ăn).
- (2) Mỗi khi nghe tiếng keng, bầy cá lên ăn đông đúc và sinh động như thế nào? (HV nêu hình ảnh bầy cá lên ăn ở khổ thơ 2, 3).

(3) Theo bạn, vì sao em nhớ hình dung cô nuôi cá giống như cô Tấm trong câu chuyện của bà? (HV nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Vì em nhớ thấy cô nuôi cá rất đẹp/rất chăm chỉ/rất giống cô Tấm cho cá bóng ăn,...)

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ phù hợp với hai nhóm
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp: Tìm từ ngữ phù hợp với mỗi vị trí trong bảng.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung.
- + Giáo viên nhận xét; HV chữa bài (nếu cần). VD:

Người lao động	Công việc
nông dân	cày, cấy, làm cỏ, bỏ phân, gặt, phơi, tuốt lúa,...
công nhân	sản xuất, vận hành máy móc, sửa chữa máy móc, đi ca,...
giáo viên	giảng bài, đọc mẫu, dạy viết, kể chuyện,...
thợ may	đo, cắt quần áo, may, đơm khuy, thùa khuyết,...

- Bài tập 2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài 1
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ chỉ sự vật, đặc điểm, dấu chấm hỏi

a) Dựa vào tranh, tìm một số từ ngữ

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Dựa vào tranh, tìm một số từ ngữ (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật).
- Học viên làm việc theo cặp hoặc nhóm: quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật có trong tranh, từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật (nên viết từ ngữ vào phiếu học tập/vở nháp).
- Một số HV báo cáo kết quả.
- Học viên khác nêu ý kiến, bổ sung. GV nhận xét, góp ý để HV sửa (nếu cần). VD:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật
nông dân	chăm chỉ, cần cù
em bé	đễ thương, xinh xắn, đáng yêu
bộ đội	khéo léo
con trâu	hiền lành
cây cối	xanh tốt
lúa	vàng

b) Đặt 2 với từ ngữ ở bài tập 1

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): Đặt 2 với từ ngữ ở bài tập 1.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

c) Viết câu hỏi cho bộ phận in đậm

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân: viết câu hỏi vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.
- Học viên sửa bài (nếu cần).

Đáp án:

a) Bà con nông dân đang thu hoạch lúa trên cánh đồng.	a) Bà con nông dân đang thu hoạch lúa ở đâu?
b) Các chiến sĩ bộ đội đang giúp dân gặt lúa.	b) Các chiến sĩ bộ đội (đang) làm gì?
c) Chú bé ngồi vắt vẻo trên lưng trâu.	c) Ai ngồi vắt vẻo trên lưng trâu?

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết: Người làm đồ chơi

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn văn trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Tên bài có 4 tiếng: Viết cách lề khoảng 3 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài các câu, chữ cái đầu trong tên riêng.
- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.
- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Chọn vần thay cho ô trống (Bài tập lựa chọn)

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.
- Học viên chọn làm ý a hoặc ý b.
- Học viên báo cáo kết quả; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

a) Vần *iu* hoặc *ư*: lúu lo, quả lựu, hiu hiu, hươu trí.

b) Vần *uôn* hoặc *ông*: ước muốn, rau muống, uốn dẻo, uống nước.

c) Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng chứa vần *iu/ưu* hoặc *uôn/uông* (Bài tập lựa chọn)

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.
- Học viên chọn làm ý a hoặc ý b.
- Học viên báo cáo kết quả; GV nhận xét.
- Học viên chữa bài (nếu cần).

Ví dụ một số từ ngữ:

- Từ ngữ có vần ***iu* hoặc *ưu***: dịu dàng, cứu giúp, sai lúc lỉu, ưu điểm,...
- Từ ngữ có vần ***uôn* hoặc *uông***: uống phở, muôn vàn, bánh cuốn, cuộng rau,...

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết đoạn văn nêu tình cảm đối với sự việc

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Viết 4 – 5 câu nêu suy nghĩ, cảm xúc về một sự việc bạn đã tham gia (hoặc được chứng kiến, được biết qua sách báo, phim, truyện,...).
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 17.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu suy nghĩ, cảm xúc về một sự việc đã tham gia.
 - + Kể cho người thân nghe về một người mà mình quý mến, cho biết vì sao bạn quý mến người đó.
 - + Chuẩn bị cho Bài 18.

Bài 18

A CHÁNG ĐI CÀY (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong bài *A Chàng đi cày*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; cảm nhận được vẻ đẹp của người lao động thể hiện qua hình ảnh A Chàng đi cày.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ về vẻ đẹp những người lao động.

3. Viết:

- Viết chữ hoa O, Ô, Ơ và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 2 - 3 câu nêu cảm nghĩ về người ông trong mẫu truyện *Ông tôi*.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa O, Ô, Ơ.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

- Học viên làm việc theo cặp, trao đổi:
 - + Theo bạn, người như thế nào là đẹp?
- Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung.
- Giáo viên giới thiệu bài đọc.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
 - Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
 - Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
 - Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài hoặc không có dấu câu ở giữa. VD:
 - *Trông anh/hùng dũng như một chàng hiệp sĩ/cổ đeo cung ra trận.*
 - *Tới nương,/A Cháng mắc cày xong,/quát một tiếng "Mổng!"/và bây giờ/chỉ còn chăm chăm vào công việc.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) A Cháng đẹp người như thế nào? (Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như trắc, gụ; vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng).

(2) Tìm những chi tiết cho thấy vẻ đẹp của A Cháng khi anh lao động (Cái cày ôm lấy bộ ngực nở. Trông anh hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra

trận. Hai tay Cháng nắm đốc cày, mắt nhìn thể ruộng, nhìn đường cày, thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi qua trái, lúc tạt phải; lại có lúc người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoắn dài hoặc bắm những bước ngắn, gấp gáp...).

(3) Bạn thích nhất hình ảnh nào trong bài? Vì sao? (HV nói theo cảm nhận riêng).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ nói về những việc người nông dân cần làm từ khi cày ruộng cho đến khi lúa được gặt.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên thảo luận theo cặp: viết từ ngữ vào vị trí phù hợp trong bảng.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung; GV nhận xét, chốt đáp án đúng. VD: gieo hạt, làm cỏ, bón phân, gặt.

- Bài tập 2. Viết 2 câu (1 câu nói về vai trò hoặc vẻ đẹp của người lao động; 1 câu nói về tình cảm của bạn đối với người lao động).

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để nói về Những người quanh ta

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, nêu ý kiến của mình về những người quanh ta.

- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).

- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ ý kiến của mình: Kể về một người mà mình quý mến hoặc nể phục

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: tô và viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa O, Ô, Ơ và câu ứng dụng (Ôn cũ biết mới; Ôn sâu nghĩa nặng).

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa O, Ô, Ơ.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa O, Ô, Ơ. Chú ý điểm giống nhau, khác nhau của các chữ cái.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ôn cũ biết mới; Ôn sâu nghĩa nặng*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm truyện *Ông tôi* và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Chi tiết nào trong truyện cho thấy ông “nay đã già lắm”? (Tóc ông bạc phơ và ông không thể ăn mía như tôi được).

b. Chi tiết nào trong truyện khiến bạn xúc động? Vì sao? (HV nói theo cảm nhận cá nhân, VD: Ông đã già, móm mém nhưng vẫn trồng ổi; ông nói: “Ông không ăn được thì đã có cháu ông ăn!”).

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ người ông trong câu chuyện Ông tôi

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên viết các câu vào vở.

- Một số HV báo cáo trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 18.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

+ Kể lại cho người thân nghe câu chuyện *Ông tôi*; nêu cảm nghĩ của mình về nhân vật người ông, hoặc về câu chuyện.

+ Chuẩn bị cho Bài 19.

Bài 19

ÔN TẬP (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài “*Bà tiên trên núi Cấm*”, biết ngắt hơi ở những chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận biết được tấm lòng nhân hậu của mẹ con bà Ba.

2. Luyện từ và câu

Ôn tập về:

- Từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm.
- Đặt câu hỏi *Làm gì?*, *Ở đâu?*, *Thế nào?*
- Đặt câu theo mẫu *Ai là gì?*, *Ai làm gì?*, *Ai thế nào?*

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài *Về quê* theo hình thức nghe – viết.
- Viết được 4 – 5 câu kể về một vùng đất lịch sử hoặc một cảnh đẹp trên đất nước ta; nêu cảm nghĩ về vùng đất hoặc cảnh đẹp đó (hoặc kể về một người mà mình quý mến hoặc nể phục).

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập 2, 3 (Luyện tập).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Nhắc lại những chủ điểm đã học từ đầu năm.
- Nói về bài đọc mình thích, nêu lí do mình thích bài đọc đó.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD: *Năm 2009,/nhờ một người hảo tâm,/mẹ con bà/làm được một ngôi nhà dưới chân núi/để các cháu đi học cho gần.//Cũng từ năm ấy,/mỗi cháu/được Ủy ban nhân dân xã trợ cấp/360.000 đồng một tháng.*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Vì sao bà Ba chuyển đến sinh sống ở Núi Cấm? (Núi Cấm có nhiều cảnh đẹp, có bức tượng Phật lớn nhất châu Á. Mến cảnh nơi đây nên bà Ba chuyển đến sinh sống).

(2) Bà Ba và con trai đã làm gì để giúp những em nhỏ không may mắn? (Bà Ba và con trai nhận nuôi những em nhỏ thiệt thòi, tạo điều kiện cho các cháu sống vui vẻ; làm nhà dưới chân núi để các cháu đi học cho gần).

(3) Theo bạn, vì sao tác giả gọi bà Ba là “bà tiên” trên núi Cấm? (HV nói theo cảm nhận riêng. VD: Vì bà nhân hậu như một bà tiên,...).

TIẾT 3

LUYỆN TẬP

a) Tìm từ ngữ trong bài đọc “Bà tiên trên núi Cấm”

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Tìm trong bài đọc “Bà tiên trên núi Cấm”:

+ 5 từ ngữ chỉ sự vật.

+ 5 từ ngữ chỉ hoạt động.

+ 5 từ ngữ chỉ đặc điểm.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm: đọc thầm bài đọc, tìm từ ngữ theo yêu cầu; viết từ ngữ vào phiếu học tập/vở nháp (có thể tìm nhiều từ hơn yêu cầu).

- Một số HV báo cáo kết quả.

- Học viên khác nêu ý kiến, bổ sung. GV nhận xét, góp ý để HV sửa (nếu cần). VD:

- Từ chỉ sự vật: bà tiên, núi, cảnh, tượng Phật, ngôi nhà, cháu, con trai, mẹ, phong cảnh,...

- Từ chỉ hoạt động: đến thăm, bà quyết định, bán, chuyển, sống, đi theo, chăm sóc,...

- Từ chỉ đặc điểm: cao nhất, đẹp, lớn nhất, hoang sơ, hữu tình, nhiều, vui vẻ, gần,...

b) Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.

- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong mỗi câu (có thể dùng hình thức hỏi – đáp).

- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

a) Người con trai út đi theo chăm sóc mẹ.	a) Người con trai út làm gì?	
b) Thời gian đầu, hai mẹ con bà Ba sống ở chân núi.	b) Thời gian đầu, hai mẹ con bà Ba sống ở đâu?	
c) Phong cảnh trên đỉnh núi Cẩm hoang sơ nhưng rất hữu tình.	c) Phong cảnh trên đỉnh núi Cẩm thế nào?	
d) Năm 2001, bà Ba nhận nuôi một cháu bé ở Bệnh viện Cần Thơ.	c) Năm 2001, ai nhận nuôi một cháu bé ở Bệnh viện Cần Thơ?	

c) Dựa theo nội dung bài đọc, đặt 3 câu:

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân: viết câu hỏi vào vở.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.
- Học viên sửa bài (nếu cần).

TIẾT 4

4. Chính tả: Nghe – viết Về quê

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn văn trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Tên bài có 4 tiếng: Viết cách lề khoảng 3 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài các câu, chữ cái đầu trong tên riêng.
- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.
- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

TIẾT 5

5. Viết đoạn văn

- Học viên đọc đề bài.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Chọn đề 1 hoặc đề 2; viết đoạn văn theo yêu cầu.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 19.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn.
 - + Chuẩn bị cho Bài 20.

Chủ điểm: THIÊN NHIÊN MUÔN MÀU

Bài 20

CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Chiếc rễ đa tròn*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu nội dung câu chuyện: Bác Hồ có tình thương bao la đối với mọi người, mọi vật. Một chiếc rễ đa rơi xuống đất, Bác cũng muốn trồng lại cho rễ mọc thành cây. Trồng cái rễ cây, Bác cũng nghĩ cách trồng thế nào để cây lớn lên thành chỗ vui chơi cho các cháu thiếu nhi.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Chiếc rễ đa tròn*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài *Bờ tre đón khách* (trích) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *tr/ch*, *ươn/ương*.

- Viết được 3 - 5 câu thuật việc đơn giản.

4. Vận dụng: Viết một số việc làm để góp phần bảo vệ cây xanh vào sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).
- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả; một số thẻ *tr/ch* hoặc *ươn/ương* để HV gắn vào chỗ trống trong đoạn thơ.
- Tranh ảnh gợi ý hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Kể những việc làm nhân ái của Bác Hồ mà anh/chị biết.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: Nói rồi,/Bác cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn/và bảo chú cần vụ buộc nó tụ vào hai cái cọc, /sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác Hồ bảo chú cần vụ làm gì? (Bác Hồ đã nói với chú cần vụ là: “Chú cuộn rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!”).
- (2). Vì sao Bác Hồ phải hướng dẫn chú cần vụ trồng chiếc rễ đa? (Bác Hồ phải hướng dẫn chú cần vụ trồng lại chiếc rễ đa vì Bác muốn chiếc rễ đa ấy lớn lên còn có tác dụng khác nữa).
- (3). Các em nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa? (Các em nhỏ vào thăm vườn Bác thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá tròn của cây đa).
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ đã cho thành 4 nhóm.
- + Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xếp các từ ngữ vào từng nhóm thích hợp.
- + Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Nhóm 1. Từ ngữ chỉ hoa: *tươi đẹp, nở bung, chúm chím, rực rỡ.*

Nhóm 2. Từ ngữ chỉ quả: *chi chít, xanh non, chín mọng, trĩu trĩt, mọng nước.*

Nhóm 3. Từ ngữ chỉ lá cây: *xanh biếc, xanh non, mỡ màng, vàng úa.*

Nhóm 4. Từ ngữ chỉ thân cây: *ram ráp, bạc phết, cao, xù xì, to.*

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.
- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Chiếc rế đã tròn

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Chiếc rế đã tròn*.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, kể đã đúng trình tự câu chuyện không, nói đã thành câu chưa, dùng từ có hợp không?,...)

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về cách diễn đạt.

b) Nói một câu về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi

- Học viên nói câu theo yêu cầu.

- Giáo viên giảng giải thêm về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi (Bác Hồ rất yêu quý thiếu nhi. Bác luôn nghĩ đến thiếu nhi, mong muốn làm những điều tốt đẹp nhất cho thiếu nhi).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu.

- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.

- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- *Bài tập phân biệt tr/ch.*

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án: trù, trời, chim, chia**)
- *Bài tập phân biệt v/d.*
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án: vườn, hương**)

TIẾT 5

5. Hướng dẫn viết đoạn văn thuật việc

a) Quan sát tranh, nói về việc mọi người trong tranh đang làm

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi về hoạt động được thể hiện trong mỗi tranh, có thể nói rõ các bước thực hiện hoạt động trồng cây được thể hiện trong tranh.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần).

b) Viết 3 - 5 câu kể lại việc chăm sóc cây

- Học viên làm việc cá nhân. Viết 3 – 5 câu kể lại việc chăm sóc cây. Viết xong, tự đọc soát và chỉnh sửa.
- Học viên làm việc nhóm, từng thành viên đọc các câu mình đã viết; cả nhóm góp ý.
- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 20.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn thuật việc.
- + Viết vào sổ tay việc có thể làm để góp phần bảo vệ cây xanh.
- + Chuẩn bị Bài 21.

Bài 21

TRÁI CHÍN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Trái chín*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu nội dung bài đọc: miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín.

2. Luyện từ và câu:

- Luyện tập về từ chỉ hoạt động, đặc điểm.
- Dấu chấm than.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa P, Q và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong nhà.

4. Vận dụng: Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật trong gia đình.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa P, Q.
- Tranh hỗ trợ luyện tập theo văn bản đọc (nếu có).
- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ bài tập 1, 2, 3 - Từ và câu (nếu có).
- Tranh hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Nói tên những loại quả mà anh/chị biết.
- Nêu một số đặc điểm của quả khi chín.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

Xù xì da cóc //
Mít chín trên cành //
Dưa hấu chín xanh //
Nhãn:/cà phê sữa. //

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.

- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Khi chín, quả dưa hấu, ớt, bồ kết có đặc điểm gì? (Khi chín, quả dưa hấu có vỏ màu xanh, quả ớt vỏ có màu đỏ, quả bồ kết có màu đen).

(2). Quả ớt, quả hồng, quả chuối tiêu khi chín được so sánh với những hình ảnh nào? (Khi chín, quả ớt được so sánh với ngọn lửa, quả hồng được so sánh với son điểm, chuối tiêu được so sánh với tàn nhang lấm chấm).

(3). Nội dung chính của bài thơ là gì? (Màu sắc, hình dáng của một số loại trái cây khi chín).

* Hướng dẫn học thuộc lòng:

- Giáo viên hướng dẫn HV học thuộc lòng 2 khổ thơ yêu thích.

- Học viên thi đọc thuộc lòng. GV nhận xét.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ chỉ màu sắc của hoa hoặc quả.

+ Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên thảo luận theo cặp.

+ Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

- Từ ngữ màu đỏ: đỏ chót, đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ rực,...
- Từ ngữ chỉ màu vàng: vàng ươm, vàng chóa, vàng đậm, vàng úa,...
- Từ ngữ chỉ màu xanh: xanh non, xanh biếc, xanh ngắt, xanh sẫm,...

- Bài tập 2. Đặt 1-2 câu tả màu sắc của hoa hoặc quả mà anh/chị thích.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ chỉ hoạt động, đặc điểm; Dấu chấm than

a) Chọn từ chỉ đặc điểm điền vào chỗ trống trong câu đố. Viết lời giải câu đố

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để chọn từ chỉ đặc điểm đã cho điền vào chỗ trống trong câu đố, rồi dựa vào tranh minh họa để viết lời giải câu đố.

- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Cây gì lá nhỏ

Quả nó xinh xinh

Vàng tươi trầu cảnh

Bày trong ngày Tết

Giải đố: Là cây quất

b) Nói từ ngữ chỉ hoạt động phù hợp với mỗi tranh

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Nói từ ngữ chỉ hoạt động phù hợp với mỗi tranh.
- Học viên làm việc theo cặp
- Học viên báo cáo kết quả trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:

Tranh 1 – tưới cây

Tranh 2 – đá bóng

Tranh 3 – hái hoa

Tranh 4 – đạp xe

Tranh 5 – đánh trống

c) Chọn dấu câu phù hợp với ô trống:

- Giáo viên giao nhiệm vụ: chọn dấu câu thích hợp đặt vào cuối mỗi câu.
- Học viên làm việc cá nhân: Viết các câu vào vở, đặt dấu câu vào cuối câu.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

Chiếc áo rất đẹp.

Bông hoa mới thơm làm sao!

Bạn đi xe đạp giỏi quá!

Chà, Nguyễn đánh trống cừ ghê!

Bạn có biết cây này do ai trồng không?

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa P, Q và câu ứng dụng (Phổ xá đông vui./Quê hương tươi đẹp).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa P, Q; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa P, Q.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:
Phổ xá đông vui.
Quê hương tươi đẹp.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn tả đồ vật

a) Nói tên các đồ vật trong bức tranh

- Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói tên các đồ vật trong bức tranh.

- Học viên trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, xác nhận kết quả đúng (Tranh vẽ các đồ dùng trong gia đình: máy giặt, bàn làm tủ lạnh, nồi cơm điện, máy xay sinh tố, bếp điện/bếp từ, máy đánh trứng...).

b) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài và gợi ý.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết đoạn văn tả đồ vật.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

c) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 21.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.
 - + Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật trong gia đình.
 - + Chuẩn bị Bài 22.

Bài 22

CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Chim rừng Tây Nguyên*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu nội dung bài đọc: Sự phong phú, đa dạng và cuộc sống đông vui, nhộn nhịp của các loài chim trong rừng Tây Nguyên.

2. Nói và nghe:

- Trình bày được những đặc điểm của loài cây (hoặc loài vật) đã quan sát qua tranh (ảnh).

- Rèn kĩ năng bày tỏ sự ngạc nhiên.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Chim rừng Tây Nguyên* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng s/x hoặc các tiếng có dấu hỏi/dấu ngã.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu bài thơ *Giọt nước và biển lớn* và viết được 2 – 3 câu nói lên suy nghĩ về giọt nước, suối, sông, biển trong bài thơ.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ ngữ phục vụ bài tập luyện tập gắn với văn bản đọc (nếu có).
- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2, 3.
- Tranh (ảnh) hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát tranh và nói về vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên trong tranh.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD: *Những con chim kơ-púc/mình đỏ chót/và nhỏ như quả ớt/cổ rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình/hót lên lanh lảnh/nghe như tiếng sáo.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của mặt hồ Y-rơ-pao? (Những từ ngữ tả vẻ đẹp của mặt hồ Y-rơ-pao là: chao mình rung động, mặt hồ càng xanh thêm, mênh mông).
- (2). Quanh hồ Y-rơ-pao có những loài chim gì? (Quanh hồ Y-rơ-pao có những loài chim như: đại bàng, thiên nga, chim kơ púc).
- (3). Tìm từ ngữ tả hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của từng loài chim.
- (a) Chim đại bàng: chân vàng, mỏ đỏ, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần vỗ cánh lại phát ra tiếng vi vu vi vút như hàng trăm chiếc đàn cùng hòa âm.
- b) Chim thiên nga: trắng muốt, đang bơi lội.
- c) Chim kơ púc: mình đỏ chót, nhỏ như quả ớt, rướn cặp mỏ thanh mảnh lên hót, nghe như tiếng sáo).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp tên các loài chim thành 3 nhóm:
 - + Giáo viên nêu yêu cầu: Xếp các từ ngữ đã cho trong ngoặc đơn thành 3 nhóm thích hợp.

- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- a) Gọi tên theo hình dáng: chim cánh cụt, cú mèo, vàng anh.
- b) Gọi tên theo tiếng kêu: tu hú, cuốc, quạ.
- c) Gọi tên theo cách kiếm ăn: bói cá, gõ kiến, chim sâu.

- Bài tập 2. Viết 1 – 2 câu tả một loài chim trong bài đọc.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về loài cây (hoặc loài vật) quan sát được qua tranh (ảnh)

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào tranh (ảnh) đã sưu tầm, dựa vào câu hỏi gợi ý, trả lời các câu hỏi về đặc điểm của loài cây (hoặc loài vật) trong tranh (ảnh).
- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).
- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ bức tranh (ảnh) về loài cây (loài vật) mà anh/chị sưu tầm được

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- Bài tập phân biệt s/x

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(**Đáp án:** xuống, sâu, xanh, sườn)

- Bài tập phân biệt dấu hỏi/dấu ngã

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ ngữ đúng chính tả vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(**Đáp án:** đồ rác, đồ tốt nghiệp, nghĩ ngợi, nghĩ hè, kỉ niệm, kĩ càng).

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài thơ *Giọt nước và biển lớn*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.

- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.

- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Những gì góp phần tạo nên dòng suối nhỏ? (Những hạt mưa rơi).

b. Những dòng sông từ đâu mà có? (Những dòng sông từ những dòng suối mà tạo thành).

b) Viết 2 – 3 câu nói lên suy nghĩ về giọt nước, suối, sông, biển trong bài thơ

- Giáo viên giao nhiệm vụ.

- Học viên viết các câu vào vở.

- Một số HV báo cáo trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 22.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:

- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nói lên suy nghĩ về giọt nước, suối, sông, biển trong bài thơ *Giọt nước và biển lớn*.
- + Chuẩn bị cho Bài 23.

Chủ điểm: THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Bài 23

MỒ CÔI XỬ KIỆN (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Mồ côi xử kiện*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu nội dung câu chuyện: ca ngợi sự thông minh, tài trí của Mồ Côi đã bảo vệ được bác nông dân thật thà.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Mồ côi xử kiện*.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa R, S và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu giới thiệu đồ vật yêu thích.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).
- Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ của bài tập chính tả;
- Tranh ảnh gợi ý hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Kể về tình cảm của mình với một người bạn.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Vì sao Mồ Côi được giao xử kiện? (Được người dân tin cậy).

(2). Chủ quán kiện bác nông dân về việc gì? (Hít hết mùi thơm của lợn quay, gà luộc, vịt rán mà không trả tiền).

(3). Mồ Côi đã xử kiện như thế nào? (Bằng cách cho chủ quán nghe tiếng bạc, đủ mười lần).

(4). Câu chuyện có ý nghĩa gì? (Ca ngợi sự thông minh, tài trí mà Mồ Côi đã bảo vệ được bác nông dân thật thà. Phê phán tên chủ quán tham lam, gian xảo).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm 3 - 4 từ ngữ chỉ đặc điểm trong câu chuyện *Mồ Côi xử kiện*.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm từ chỉ đặc điểm trong văn bản.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Gợi ý: *tin cậy, giãy nảy, lạch cạch.*

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

Ví dụ: Đồng tiền kêu lạch cạch trong bát.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện *Mồ côi xử kiện*

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện *Mồ côi xử kiện*.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào câu hỏi gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý (VD: lời kể có đầy đủ các chi tiết không, kể đã đúng trình tự câu chuyện không, nói đã thành câu chưa, dùng từ có hợp không?...)

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về cách diễn đạt.

b) Trao đổi với bạn về ý nghĩa của câu chuyện

- Học viên nói câu theo yêu cầu.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Tập viết.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa R, S.
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa R,S; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa R,S.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ./Sai một ly đi một dặm).
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu đồ vật

a) Giới thiệu về một đồ gia dụng trong gia đình

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: chọn một đồ vật trong gia đình và giới thiệu về đồ vật đó: hình dáng, màu sắc, công dụng,...
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

b) Viết 3 - 5 câu về đồ vật mà bạn yêu thích nhất

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên dựa vào gợi ý trong sách HV, viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 23.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Viết vào sổ tay các đồ vật trong gia đình đang còn thiếu hoặc đang chuẩn bị mua.
 - + Chuẩn bị Bài 24.

Bài 24

QUÊ MỚI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Quê mới*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu nội dung bài đọc: miêu tả vẻ đẹp quê hương mới của tác giả với những cảnh vật gần gũi, thân thương.

2. Luyện từ và câu

- Luyện tập về từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
- Dấu chấm, dấu chấm hỏi, chấm than.

3. Viết

- Viết đúng chính tả 6 dòng thơ đầu trong bài *Quê mới* theo hình thức nghe – viết; viết đúng các tiếng mở đầu bằng *r/d/gi*; điền đúng các từ có vần **ao** hay **au**.

4. Vận dụng: Biết viết tin nhắn.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh hỗ trợ luyện tập theo văn bản đọc (nếu có).
- Thẻ từ ngữ và tranh phục vụ bài tập 1, 2, 3, 4 - Từ và câu (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Kể về cảm xúc của mình khi đi đến một vùng đất mới.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:

Cũng hồ nước trong/như dòng kênh xanh thắm;

Cũng khói bếp tranh/là là trong nắng,

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Những trái cây, sự vật được nhắc đến trong bài thơ: nhãn lồng, chuối, mít, bông hoa, hồ nước, cây rơm,...

(2). Tác giả bất ngờ gặp lại những cảnh vật quen thuộc trên quê mới, ngỡ như mình vẫn đang ở quê cũ, không có cảm giác xa lạ.

(3). Nội dung chính của bài thơ: miêu tả vẻ đẹp quê hương mới của tác giả với những cảnh vật gần gũi, thân thương khiến cho tác giả thấy gắn bó với quê hương mới.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm của thành thị và nông thôn.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; GV nhận xét.

Gợi ý:

	Thành thị	Nông thôn
Từ chỉ sự vật	Ô tô, đường phố,...	Nhà thấp, đồng lúa,...
Từ chỉ đặc điểm	Màu trắng, đông đúc,...	Mái ngói, chín vàng,...

- Bài tập 2. Đặt 1 - 2 câu với các từ tìm được.
- + Học viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: Viết vào vở.

Ví dụ: Đường phố Hà Nội rất đông đúc xe cộ.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, dấu chấm, dấu hỏi, chấm than

a) Hãy quan sát bức tranh và điền tên sự vật vào bên dưới

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Quan sát tranh và điền từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
- Học viên lên bảng gắn tên các sự vật.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Hải quân, lao công, điện thoại, con trâu, tàu hỏa, cây nhãn, con gà trống, hoa đào

b) Điền những từ chỉ đặc điểm vào chỗ trống cho thành câu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Điền từ chỉ đặc điểm vào chỗ trống.
- Học viên làm việc theo cặp.
- Học viên báo cáo kết quả trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:

Gợi ý:

- + Cuộc sống ở nông thôn rất thanh bình.
- + Thành phố có rất nhiều nhà cao tầng.

c) Điền từ chỉ hoạt động thích hợp với chỗ trống trong đoạn văn

- Giáo viên giao nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân:
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

*“Một buổi sáng mùa xuân, trăm hoa **khoe sắc**, gà con vui vẻ gọi vịt con ra vườn **chơi**. Gà con **rủ** vịt con **bắt sâu**, côn trùng có **hại** cho cây. Nhờ có mỏ nhọn nên gà con **mỏ bắt sâu** dễ dàng. Vịt con không có mỏ nhọn nên không thể nào **bắt** được sâu. Thấy thế gà con vội vàng **chạy** tới giúp vịt”.*

d) Chọn dấu câu phù hợp với ô trống:

- Nghỉ hè em có được bố mẹ cho về quê chơi không?
- Đường phố Hà Nội giờ tan tầm thật là đông đúc và chật chội!
- Tôi vừa đi thăm con gái trên thành phố về.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc 6 câu thơ đầu của bài thơ.
- Giáo viên nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu dòng thơ.
- Học viên nghe GV đọc và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp bài của mình đã viết.

b) Làm bài tập phân biệt r hay d hay gi

- Bài tập 1.
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: Dây mơ rễ má./Rút dây động rừng./Giấy trắng mực đen./Gieo gió gặt bão).

c) Chọn vần ao hay au điền vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ:

Bài tập 2.

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
 - + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
 - + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
 - + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.
- (**Đáp án:** Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ./Chuối hàng sau, cau trước./Cây cao bóng cả).

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết tin nhắn

a) Nêu một số tình huống cần viết tin nhắn

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- Giáo viên mời HV trình bày trước lớp.

b) Chọn một tình huống và viết tin nhắn

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- Giáo viên mời HV trình bày trước lớp.
- Giáo viên góp ý, HV chỉnh sửa bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 24.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Ghi vào sổ tay những lưu ý khi viết tin nhắn cảm ơn, xin lỗi.
 - + Chuẩn bị Bài 25.

Bài 25

ÂM THANH THÀNH PHỐ (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Âm thanh thành phố*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu nội dung bài đọc.

2. Nói và nghe

- Trình bày được những đặc điểm cơ bản của thành thị và nông thôn.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa T, U, Ư và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu văn bản *Tôi yêu Sài Gòn*; Viết được 3 - 4 nêu cảm nghĩ về bài đọc

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ ngữ phục vụ bài tập luyện tập gắn với văn bản đọc (nếu có).
- Tranh (ảnh) hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát tranh và nói về vẻ đẹp của cảnh làng quê.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1). Hằng ngày, Hải được nghe thấy những âm thanh nào? (Những âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thủ đô như: tiếng ve kêu, tiếng kéo của những người bán thịt bò khô, tiếng còi ô tô, tiếng còi tàu hỏa, tiếng bánh sắt lăn trên đường ray, tiếng đàn vi-ô-lông, đàn pi-a-nô).

(2). Những âm thanh ấy nói lên điều gì của cuộc sống? (Cuộc sống của thành phố luôn sôi động, ồn ào và căng thẳng nhưng xen vào đó cũng có những lúc người ta chợt nghe thấy một tiếng đàn du dương, êm ái).

(3). Điều gì khiến Hải cảm thấy dễ chịu mỗi khi trở về thành phố? (Bản nhạc Ánh trăng của Bết-tô-ven bằng đàn pi-a-nô).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm trong bài “Âm thanh thành phố” những từ ngữ tả âm thanh.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV chỉnh sửa (nếu cần).

Gợi ý: náo nhiệt, ồn ã, rền rĩ, lách cách,...)

- Bài tập 2. Tìm thêm 2 – 3 từ chỉ âm thanh và đặt câu với từ tìm được.

+ Giáo viên nêu yêu cầu.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

+ Một số HV báo cáo kết quả.

+ Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

Gợi ý: gay gắt, thét lên, ầm ầm, im lặng.

Tiếng tàu hỏa đang đến ầm ầm.

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Thành thị và nông thôn

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để chuẩn bị theo yêu cầu.

- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).

- Học viên trao đổi theo cặp.

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa T, U, Ư.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa T, U, Ư; hướng dẫn cách viết.

- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa T, U, Ư.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Uống nước nhớ nguồn./Ướt như chuột lột/Tình làng nghĩa xóm*).

- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.

- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.

- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm văn bản *Tôi yêu Sài Gòn*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

1) Những từ ngữ chỉ thời tiết và đặc điểm của phố phường Sài Gòn: nắng, lộng gió, mưa rào, dập dìu xe cộ, đêm khuya thưa thớt tiếng ồn, con đường rợp bóng hàng me, hàng cây sao, cầu dầu cao vút,...

2) Tác giả nhắc lại từ “Tôi yêu”, yêu biết mấy.

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của bạn về bài đọc

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

Gợi ý:

Bài đọc nói lên cuộc sống của thành phố luôn sôi động, ồn ào và căng thẳng nhưng xen vào đó cũng có những lúc người ta chợt nghe thấy một tiếng đàn du dương, êm ái.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 25.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Sưu tầm những bức ảnh đẹp, bài viết về các thành phố, làng quê của Việt Nam
 - + Chuẩn bị cho Bài 26.

Chủ điểm: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bài 26

RỪNG GỖ QUÝ (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng câu chuyện *Rừng gỗ quý*, biết đọc phân biệt giọng dẫn chuyện với lời nói của nhân vật, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... của các nhân vật trong câu chuyện, hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Rừng gỗ quý*.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong câu chuyện *Rừng gỗ quý* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng l/n hoặc tiếng có vần ai/ay/ây.

- Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã tham gia hoặc chứng kiến.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số truyện cổ dân gian.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Nói những điều mình biết các kiểu nhà ở (nhà sàn, nhà cấp bốn, nhà tầng, chung cư cao tầng,...).

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Câu chuyện giải thích vì sao con người nghĩ ra cách làm nhà để ở.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp.
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp theo cặp hoặc theo nhóm (tự ngắt đoạn để đọc nối tiếp).
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Ông lão nghèo mơ ước điều gì?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- 1 – 2 HV trả lời câu hỏi (VD: Ông lão nghèo mơ ước làm được ngôi nhà rộng rãi cho con cái đỡ khổ).
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Trong giấc mơ, ông lão được các nàng tiên cho thứ gì trong chiếc hộp thứ nhất?)
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời, VD: Trong giấc mơ, ông lão được các nàng tiên cho 1 chiếc hộp, trong hộp có cột gỗ, ván gỗ để làm nhà. Nhưng do không làm theo lời các nàng tiên dặn dò, ông lão đã để mất món quà.
- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Vì sao các nàng tiên nói rằng thứ đựng trong chiếc hộp thứ hai quý hơn nhiều?).
- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm nhận xét hoặc đưa ra những ý kiến tranh luận.
- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến. VD: Các nàng tiên nói rằng thứ đựng trong chiếc hộp thứ hai quý hơn nhiều bởi vì nó không chỉ giúp ông lão làm được nhà cho mình, mà còn giúp nhiều người biết trồng cây lấy gỗ làm nhà.
- Giáo viên nêu câu hỏi 4 (Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?).

- Nhiều HV nêu ý kiến. VD: Bằng trí óc và bàn tay, con người có thể làm được những điều mình mong ước/thực hiện được mơ ước chính đáng./...

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ ngữ đã cho thành 3 nhóm.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật: ông lão, dân làng, gỗ, rừng, hạt.

Từ ngữ chỉ hoạt động: giúp, ngắm, dựng nhà, gieo, trồng, tìm.

Từ ngữ chỉ đặc điểm: nghèo, lớn, chặt, rộng.

- Bài tập 2. Đặt câu nói về hoạt động trồng cây, gây rừng.

+ Học viên làm việc theo nhóm: trao đổi về những việc làm trồng cây, gây rừng.

+ Từng HV đặt câu và đọc câu của mình trong nhóm.

Ví dụ: Chúng ta cần trồng cây phủ xanh đồi trọc.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Rừng gỗ quý

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện Rừng gỗ quý. GV nhắc HV cần nhớ đầy đủ chi tiết (giấc mơ 2 lần gặp tiên) những câu nói của nàng tiên, suy nghĩ/suy luận của ông lão.

- Học viên làm việc cá nhân: Dựa vào gợi ý, tập kể lại câu chuyện.

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện, cả nhóm góp ý.

- Học viên kể chuyện trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét:

+ Về nội dung.

+ Về giọng nói, điệu bộ.

b) Trao đổi về ý nghĩa của việc trồng rừng

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trích đoạn câu chuyện *Rừng gỗ quý*.

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn.

- Học viên nghe GV đọc từng câu/từng cụm từ để viết vào vở.

- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.

- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.

- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đối bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

l/n	ai/ay/ây
Nếu nhắm mắt trong vườn lộng gió Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay Tiếng lích rích chim sâu trong lá Con chìa vôi vừa hót vừa bay...	<p>Ai trồng cây Người đó có bóng mát Trong vòm cây Quên nắng xa đường dài.</p> <p>Ai trồng cây Người đó có hạnh phúc Mong chờ cây Mau lớn lên từng ngày.</p>

TIẾT 5

5. Luyện viết đoạn văn thuật việc

- Học viên đọc đề bài và đọc gợi ý: Viết 4 – 5 câu nêu thuật lại việc trồng cây hoặc chăm sóc cây (đã chứng kiến hoặc tham gia).
- + Bạn đã tham gia hoặc chứng kiến trồng cây hoặc chăm sóc cây gì, ở đâu?
- + Công việc đó diễn ra theo các bước như thế nào?
- + Bạn có cảm nghĩ gì về công việc đó?
- Giáo viên hướng dẫn HV thực hiện yêu cầu (chọn sự việc/hoạt động đã tham gia hoặc chứng kiến).
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý**
- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 26.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà: Viết lại đoạn văn thuật việc theo góp ý.
- + Chuẩn bị Bài 27.

Bài 27

TIẾNG CHỖI TRE (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Tiếng chổi tre*, biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu được sự lao động thầm lặng và những nhọc nhằn của chị lao công, những người góp phần bảo vệ môi trường sống cho cộng đồng.

2. Luyện từ và câu: Phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; nhận biết được công dụng của dấu phẩy khi viết câu.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa V, X và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ hoa V, X.
- Tranh ảnh về công việc của công nhân môi trường.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Chia sẻ những điều đã biết trong cuộc sống, nhiệm vụ,... của những công nhân môi trường.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh họa.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Bài thơ của tác giả Tố Hữu thể hiện sự thấu hiểu nỗi vất vả của chị lao công – những người lao động thầm lặng, làm đẹp cho cuộc sống.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD:
 - + Lao công, quét rác,...
 - + Lặng ngắt, gió rét,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Tác giả nghe thấy tiếng chổi tre vào những lúc nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.

- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại bài thơ, tìm câu trả lời cho câu hỏi 1 (Tác giả nghe thấy tiếng chổi tre vào những đêm hè, khi ve đã ngủ và vào những đêm đông gió rét, nghe tiếng chổi tre sớm tối đi về...).

- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Những chi tiết nào cho thấy chị lao công làm việc vất vả?).

- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời.

(Ví dụ: Chị lao công làm việc trong đêm khuya, phố xá lặng ngắt, không quản đêm hè oi bức hay đêm đông giá buốt).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Tác giả muốn nói điều gì qua những dòng thơ dưới đây

Chị lao công

Như sắt

Như đồng

Chị lao công

Đêm đông

Quét rác...)

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận các ý kiến khác nhau, Ví dụ: Những dòng thơ ca ngợi sự dẻo dai, kiên cường của chị lao công./Bày tỏ cảm xúc mến phục sự lao động thầm lặng, tận tâm của chị lao công./...

- Giáo viên nhắc HV học thuộc lòng đoạn thơ yêu thích.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

- Giáo viên nêu câu hỏi 4 (Theo bạn, vì sao tác giả nhắc nhở mọi người hãy giữ sạch lề, đẹp lối?).

- Học viên nêu ý kiến cá nhân. GV nhận xét.

c) Luyện tập gắn với bài đọc.

- Bài tập 1. Tìm từ ngữ nói về thời tiết theo mẫu dưới đây:

Từ ngữ chỉ thời tiết mùa hè	M: nóng
Từ ngữ chỉ thời tiết mùa đông	M: rét

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm từ ngữ theo yêu cầu.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Từ ngữ chỉ thời tiết mùa hè	M: nóng, oi bức, ngột ngạt, oi ả, ...
Từ ngữ chỉ thời tiết mùa đông	M: rét, rét buốt, giá lạnh, rét,...

- Bài tập 2. Đặt câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1

+ Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện tập: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; dấu phẩy

a) Bài tập 1: Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được.

- Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Nêu nội dung các tranh, tìm từ ngữ gọi tên sự vật, nêu hoạt động, đặc điểm của các nhân vật được vẽ trong tranh.
- Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận các kết quả đúng:

Ví dụ:

- Từ ngữ chỉ sự vật:
 - + Từ ngữ chỉ người: người lớn, trẻ em, cậu bé, cô bé,...
 - + Từ ngữ chỉ vật: biển, bờ biển, cát, rác, cây cối,...
 - Từ ngữ chỉ hoạt động: nhặt rác, vớt rác, chèo thuyền,...
- Có thể đưa thêm yêu cầu sau:*
- Từ ngữ chỉ đặc điểm: chăm chỉ, tích cực, vui vẻ,...

b) Bài tập 2. Tìm từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ

- Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập 2.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): viết các từ ngữ chỉ đặc điểm tìm được vào vở.
- Học viên làm việc nhóm: từng HV đọc kết quả làm việc cá nhân/cặp; cả nhóm góp ý.
- Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét.

Đáp án: non, xanh, ngút ngàn, chín, thơm, ngọt.

c) Bài tập 3. Dấu câu thích hợp thay thế cho các ô vuông

- Giáo viên nêu yêu cầu và cách làm.
- Học viên làm việc cá nhân.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV hiểu đúng công dụng của dấu phẩy trong các câu: dấu phẩy tách các thành phần cùng loại (đồng chức) trong câu.

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa V, X, từ và câu ứng dụng:
 - + Vạn Xuân.
 - + Gió đưa cành trúc la đà.
 - Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa V, X; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa V, X.

- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.
- Giáo viên nhận xét chữ viết của HV.

TIẾT 5

5. Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một sự việc.

a) Chuẩn bị

- Học viên đọc yêu cầu: Viết 4 – 5 câu nêu tình cảm, cảm xúc về công việc của chị lao công trong bài “Tiếng chổi tre” hoặc công việc của những người công nhân môi trường.

Học viên đọc các gợi ý:

- Công việc mà bạn muốn nói đến trong đoạn văn của mình là gì?
- Những người làm công việc đó có gì khó khăn, vất vả?
- Bạn có cảm xúc, suy nghĩ gì về công việc đó và người làm công việc đó?

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Giáo viên mời một số HV đọc bài làm trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 27.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn theo góp ý của GV.
 - + Chia sẻ bài viết của mình với người thân hoặc làm điều gì đó để thể hiện tình cảm đối với người thân.
 - + Chuẩn bị Bài 28.

Bài 28

MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA CHÚNG TA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong bài *Môi trường sống của chúng ta*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Nhận biết được tình trạng ô nhiễm môi trường và những việc cần làm để bảo vệ môi trường.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ, cảm xúc của mình về chủ điểm Cuộc sống xanh.

3. Viết: Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Môi trường sống của chúng ta* theo hình thức nghe – viết; viết đúng từ ngữ có tiếng mở đầu bằng ch/tr hoặc tiếng có vần at/ac, ăt/ăc.

4. Vận dụng: Tự đọc hiểu câu chuyện *Chim sơn ca và bông cúc trắng*; viết cảm nghĩ về câu chuyện đó.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số tranh ảnh phản ánh tình trạng ô nhiễm môi trường.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: trao đổi ý kiến về tình trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Học viên nêu nội dung tranh minh hoạ.
- Giáo viên giới thiệu khái quát về bài đọc: Tình trạng ô nhiễm môi trường và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.
- Giáo viên/HV đọc toàn bài trước lớp, hướng dẫn HV đọc đúng một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Ví dụ:
 - + Miền núi, làng nghề,...
 - + Diễn biến, thư giãn,...
- Học viên tập đọc cá nhân, sau đó đọc nối tiếp các khổ thơ theo cặp hoặc theo nhóm.
- Một số HV đọc cả bài trước lớp. Cả lớp/hoặc GV nhận xét.

b) Đọc hiểu

- Giáo viên nêu câu hỏi 1 (Tình trạng ô nhiễm môi trường được thể hiện qua các số liệu như thế nào?) hoặc HV đọc câu hỏi 1 trước lớp.
- Học viên làm việc cá nhân: đọc thầm lại đoạn đầu văn bản, trả lời cho câu hỏi 1. VD: Ở nước ta, 70% các dòng sông, 45% vùng ngập nước, 40% các bãi biển đã bị ô nhiễm, hủy hoại về môi trường; 70% các làng nghề ở nông thôn đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng.
- Giáo viên nêu câu hỏi 2 (Vì sao bảo vệ môi trường được coi là nhiệm vụ cấp bách?).
- Học viên trao đổi nhóm, tìm câu trả lời và thống nhất cách trả lời. (Bởi vì khắp nơi, cả nông thôn, thành thị, miền núi, miền biển... môi trường đều bị ô nhiễm. Môi trường ô nhiễm dẫn đến nhiều hệ lụy về sức khỏe của con người, về chất lượng cuộc sống,...).

- Giáo viên nêu câu hỏi 3 (Bài viết kêu gọi chúng ta phải làm gì để bảo vệ môi trường?).

- Học viên làm việc nhóm: từng người trả lời câu hỏi (Hãy đối xử tốt với thiên nhiên, sống thân thiện với môi trường, ta sẽ tận hưởng được những giây phút thư giãn, thoải mái trong bầu không khí trong lành, được tận hưởng những cảnh đẹp từ thiên nhiên ban tặng).

- Giáo viên nêu câu hỏi 4 (Nêu ý kiến nhận xét của bạn về môi trường ở địa phương mình).

- Giáo viên mời một số HV phát biểu ý kiến và xác nhận những câu trả lời đảm bảo tính khách quan, đúng với tình hình ở địa phương.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nêu các hành động việc làm gây ô nhiễm môi trường và việc làm góp phần bảo vệ môi trường.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Ví dụ:

Nêu các hành động việc làm:

- Gây ô nhiễm môi trường: xả rác bừa bãi, sử dụng túi nilon, chặt phá rừng,...
- Góp phần bảo vệ môi trường: đổ rác đúng nơi quy định, phân loại rác vô cơ, hữu cơ; trồng cây gây rừng,...

- Bài tập 2. Đặt 2 – 3 câu nói về hành động bảo vệ môi trường bạn có thể làm.

+ Học viên làm việc cá nhân: viết 2 - 3 câu theo yêu cầu vào vở.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc từ ngữ trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe: Cuộc sống xanh

a) Chuẩn bị ý kiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: nêu các việc cần làm để có cuộc sống xanh (dựa theo gợi ý).

- Học viên làm việc cá nhân: chuẩn bị ý kiến của mình.

Ví dụ:

- Hạn chế sử dụng túi nilon.
- Tắt điện trước khi ra khỏi nhà.
- Trồng nhiều cây xanh.
- Đổ rác đúng nơi quy định.
- Tuyên truyền, vận động mọi người không ăn thịt thú rừng.
- ...

b) Chia sẻ ý kiến

- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên phát biểu ý kiến, các thành viên trong nhóm có thể hỏi lại những điều muốn biết rõ hơn.
- Học viên trình bày ý kiến trước lớp, cả lớp góp ý, nhận xét.
- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn thơ *Môi trường sống của chúng ta*.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày đoạn văn, số liệu có trong đoạn văn.
- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn thơ đã nghe - viết.

b) Làm bài tập

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập.
- + Học viên làm việc cá nhân (quan sát tranh, tìm từ nêu sự vật, hoạt động), sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên yêu cầu HV viết các từ tìm được vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

Đáp án:

(che, tre):	che nắng	che chở	cây tre
(chở, trở):	hiềm trở	chở hàng	trở ngại
(chả, trả):	nem chả	trả nợ	trả lại
- at hoặc ac : <ul style="list-style-type: none">- Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.- Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.- Mẹ hát con khen hay.			
- ăt hoặc ăc : nhắc nhở nhặt rác im phăng phắc gặt phất			

TIẾT 5

5. Vận dụng

a) Đọc

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: tự đọc câu chuyện *Chim sơn ca và bông cúc trắng* và trả lời câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân theo yêu cầu.

- + Đọc câu chuyện.
- + Trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

b) Viết câu trả lời cho câu hỏi: Câu chuyện Chim sơn ca và bông cúc trắng nói với chúng ta điều gì?

- Học viên làm việc cá nhân: đọc yêu cầu và tự viết câu trả lời theo cảm nhận của mình
- Học viên làm việc theo nhóm: đọc các câu đã viết và nghe góp ý, chỉnh sửa theo góp ý.

IV. Củng cố, Dặn dò

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 28.
- Tìm đọc thêm câu chuyện, bài thơ, bài văn về bảo vệ môi trường.
- Dặn HV chuẩn bị cho Bài 29.

Chủ điểm: QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Bài 29

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong truyện *Sự tích Hồ Gươm*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản. Hiểu nội dung câu chuyện về sự tích tên gọi của Hồ Gươm.

2. Nói và nghe: Kể lại được câu chuyện *Sự tích Hồ Gươm*.

3. Viết:

- Viết đúng chữ hoa Y và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm đối với một người.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa Y.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Kể tên bài hát hoặc bài thơ, câu chuyện,... nói về quê hương, đất nước. Có thể hát một đoạn của bài hát/đọc một đoạn của bài thơ, bài văn/kể câu chuyện đó.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: *Sau đó,/Lê Thận theo đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn/và dâng gươm cho Lê Lợi; Một năm sau khi thắng giặc,/Lê Lợi – //lúc bấy giờ đã lên ngôi vua – //đi thuyền chơi hồ Tả Vọng,/rùa vàng theo lệnh của Long Quân/nổi lên đòi lại gươm thần*).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Vì sao đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần để trừ giặc? (Vị thấy quân giặc bạo ngược, Lê Lợi khởi nghĩa vì chính nghĩa nhưng thế còn yếu, nên đức Long Quân ra tay giúp đỡ).
- (2) Sau khi có gươm thần, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân thu được kết quả như thế nào? (Nhờ có gươm thần, nghĩa quân đã đánh tan quân xâm lược).
- (3) Vì sao ngày nay hồ Tả Vọng được gọi là Hồ Gươm? (Theo câu chuyện, đó là nơi Lê Lợi đã nhờ rùa vàng trả gươm báu cho đức Long Quân).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Nói tên 5 địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp trên đất nước ta.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp: Mỗi người nói 5 địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp trên đất nước ta.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét. VD: *Đền Hùng, Hạ Long, Bà Nà Hill, Đà Lạt, Hà Tiên, đền Kiếp Bạc,...*
- Bài tập 2. Nói 2 – 3 câu giới thiệu địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp đó.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc theo cặp: nói 2 – 3 câu giới thiệu địa điểm lịch sử hoặc cảnh đẹp mà mình biết.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến, bổ sung.
- + Giáo viên nhận xét.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Kể chuyện Sự tích Hồ Gươm

- Giáo viên nêu yêu cầu: Kể lại câu chuyện Sự tích Hồ Gươm.
- Học viên làm việc nhóm: từng thành viên kể chuyện.

- Một số HV kể chuyện trước lớp; cả lớp góp ý, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét.

b) Trao đổi: Câu chuyện muốn ca ngợi hay giải thích điều gì?

- Học viên trình bày suy nghĩ của mình theo yêu cầu:
- + Câu chuyện giải thích tên gọi của Hồ Gươm (trước kia là hồ Tả Vọng).
- + Câu chuyện ca ngợi cuộc khởi nghĩa đánh đuổi giặc Minh, giành lại độc lập của nghĩa quân Lê Lợi.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung thông tin; nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa Y và câu ứng dụng (*Yêu Tổ quốc; Yêu đồng bào*).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa Y; hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa Y.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết chữ hoa Y theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Yêu Tổ quốc; Yêu đồng bào*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Luyện tập viết đoạn văn nói về tình cảm, cảm xúc đối với một người

a) Dựa vào gợi ý dưới đây, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập: Viết 4 – 5 câu nói về tình cảm của bạn đối với một người mà bạn quý trọng (một người anh hùng, một nhân vật trong truyện hoặc một người khác mà bạn biết).
- Giáo viên hướng dẫn HV dựa vào gợi ý để viết đoạn văn.
- Học viên làm việc cá nhân, viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 29.

- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nói về tình cảm của bạn đối với một người mà bạn quý trọng.
- + Tìm đọc câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) về cảnh đẹp đất nước ta hoặc truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.
- + Chuẩn bị cho Bài 30.

Bài 30

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Việt Nam quê hương ta* (trích đoạn); biết ngắt hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nghĩa của từ ngữ; nhận biết được vẻ đẹp của đất nước ta và tình yêu, lòng tự hào của tác giả về đất nước Việt Nam thân yêu.

2. Luyện từ và câu

- Luyện tập về từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
- Biết sử dụng dấu phẩy để tách các bộ phận đồng chức trong câu.

3. Viết

- Viết đúng chính tả bài thơ *Việt Nam* (trích đoạn) theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *s/x* hoặc *có* vần *ât/âc* hoặc *ươt/ươc*.
- Viết được 4 – 5 câu về một cuộc trò chuyện, trong đoạn văn có lời cảm ơn hoặc xin lỗi.

4. Vận dụng: Biết nói lời cảm ơn hoặc xin lỗi phù hợp tình huống giao tiếp.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ ngữ và bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1, 2 - Từ và câu.
- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2, 3.
- Tranh phục vụ bài tập luyện tập viết đoạn văn (nếu chuẩn bị được).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

Giới thiệu câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) mà mình đã đọc sau khi học bài 29:

- Tên và nội dung của câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo).
- Cảm nghĩ của bản thân sau khi đọc câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) đó.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...)
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu thơ. VD:
 - *Quê hương/biết mấy thân yêu, //*
 - Bao nhiêu đời/đã chịu nhiều thương đau.*
 - *Đạp quân thù/xuống đất đen, //*
 - Súng gươm vứt bỏ/lại hiền như xưa.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1) Những hình ảnh nào trong bài thơ nói về vẻ đẹp hiền hoà, thanh bình của đất nước ta? (*mênh mông biển lúa, cánh cò bay lả rập rờn, mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều*).
- (2) Tìm trong bài thơ những từ ngữ, hình ảnh nói về con người Việt Nam (Một số hình ảnh:
- Người Việt Nam vất vả nhưng cần cù trong lao động: *Mặt người vất vả in sâu; Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.*
 - Người Việt Nam kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu: *Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên.; Đạp quân thù xuống đất đen.*
 - Người Việt Nam hiền lành, yêu hoà bình: *Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa*).
- (3) Bạn thích khổ thơ nào? Vì sao? (HV nói theo cảm nhận cá nhân).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Bài thơ đem lại cho bạn cảm xúc gì về đất nước và con người Việt Nam?
 - + Giáo viên nêu câu hỏi.
 - + Học viên thảo luận theo cặp.
 - + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng. Đó có thể là cảm xúc *yêu thương, hãnh diện, tự hào,...*
- (Giáo viên chú ý hướng dẫn HV nói thành câu).
- Bài tập 2. Viết lại những điều bạn nói bằng 2 – 3 câu.
 - + Giáo viên nêu yêu cầu.
 - + Học viên làm việc cá nhân: viết các câu vào vở.
 - + Học viên đổi bài cho bạn để nhận xét, góp ý.
 - + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung.
 - + Giáo viên nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; Dấu phẩy

a) Xếp các từ ngữ trong ngoặc thành 3 nhóm

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Xếp các từ ngữ trong ngoặc thành 3 nhóm (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động, từ ngữ chỉ đặc điểm).
- Học viên làm việc theo cặp hoặc nhóm 3: xếp các từ ngữ thành 3 nhóm.
- Một số HV báo cáo kết quả (có thể tổ chức cho các nhóm xếp thẻ từ ngữ thành 3 nhóm).
- Học viên khác nêu ý kiến, bổ sung. GV nhận xét, chốt kết quả đúng.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ sự vật: *lúa, trời, cò, mây, quân thù, đất, súng, ruộng.*
- Từ ngữ chỉ hoạt động: *bay, che, nuôi, đứng, vút bỏ.*
- Từ ngữ chỉ đặc điểm: *mênh mông, đẹp, thân yêu, vất vả, nâu, nghèo, đen, hiền.*

b) Thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy để hoàn thành các câu.

- Giáo viên nêu nhiệm vụ.
- Học viên làm việc cá nhân (hoặc cặp): Thay ô trống bằng dấu chấm hoặc dấu phẩy.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng.

Đáp án:

Bốn dòng thơ đầu khắc họa nên vẻ đẹp hiền hoà, thanh bình của đất nước ta với biển lúa mênh mông, cánh cò bay rập rờn và dãy Trường Sơn trập trùng, hùng vĩ. Tám dòng thơ tiếp theo là khúc ca về người Việt Nam can cù trong lao động, anh hùng trong chiến đấu và hiền lành, đôn hậu.

TIẾT 4

4. Chính tả

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên đọc mẫu đoạn thơ; mời 1 – 2 HV đọc lại đoạn thơ trước lớp.
- Giáo viên hướng dẫn HV:
 - + Bài thơ được viết theo thể lục bát: Viết dòng 6 chữ cách lề vở khoảng 2 ô vuông lớn. Viết dòng 8 chữ cách lề vở khoảng 1 ô vuông lớn.
 - + Tên bài có 2 tiếng: Viết cách lề khoảng 4 ô vuông lớn.
 - + Viết hoa chữ cái đầu bài và đầu mỗi dòng thơ; viết hoa các chữ cái đầu trong tên riêng *Việt Nam, Hà Giang, Cà Mau, Cửu Long.*
- Giáo viên đọc, HV viết vào vở.
- Giáo viên hướng dẫn HV soát lỗi và chữa bài (nếu cần).

b) Chọn chữ hoặc vần thay cho ô trống (Bài tập lựa chọn)

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.
- Học viên chọn làm ý a hoặc ý b và c.
- Học viên báo cáo kết quả; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

- a) Chữ s hoặc x: sản xuất, năng suất, bổ sung, xung phong, say sưa, ngày xưa, ngày xưa, ngày xưa, ngày xưa, lịch sử, xét xử.
- b) Vần át hoặc ác: nhắc chân, giải nhất, nổi bật, bậc thang.
- c) Vần ươt hoặc ươc: đến ươt, nói sơ ươc, ươc muốn, mưa ươt áo.

c) Tìm và viết 2 – 4 từ ngữ có tiếng chứa âm hoặc vần s/x, ât/âc, ươt/ ươc (Bài tập lựa chọn)

- Giáo viên hướng dẫn HV làm bài tập tương tự như các bài trước.
- Học viên chọn làm ý a hoặc ý b và c.
- Học viên báo cáo kết quả; GV nhận xét.
- Học viên chữa bài (nếu cần).

Ví dụ một số từ ngữ:

- Từ ngữ có **s hoặc x**: chim sẻ, cây sung, cái xe, nước chảy xiết, xây nhà,...
- Từ ngữ có **ât hoặc âc**: đôi tất chân, quả gấc, trái đất, chai mật ong,...
- Từ ngữ có **ươt hoặc ươc**: xanh mướt, vượt lên, cá vược, được khen,...

TIẾT 5

5. Viết đoạn, bài: Viết lời cảm ơn hoặc xin lỗi

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết 4 – 5 câu nói về cuộc trò chuyện giữa hai bạn Linh và Thanh. Chú ý viết đoạn văn có lời khen ngợi, lời cảm ơn.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV chữa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay). Chú ý viết lời cảm ơn hoặc xin lỗi phù hợp tình huống.
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 30.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn theo tranh; trong đoạn văn có lời khen ngợi, lời cảm ơn.

- + Chủ động nói lời cảm ơn hoặc xin lỗi phù hợp tình huống (nhắc nhở người thân cùng thực hiện).
- + Chuẩn bị cho Bài 31.

Bài 31

PHONG CẢNH QUÊ BÁC (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng, rõ ràng các tiếng, từ, câu trong bài *Phong cảnh quê Bác*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu những hình ảnh đẹp trong bài và tình cảm của tác giả đối với một vùng đất đẹp trên đất nước ta.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của về quê hương, đất nước; giới thiệu một số di tích lịch sử hoặc cảnh đẹp trên đất nước ta; nêu cảm nghĩ về di tích hoặc cảnh đẹp đó.

3. Viết:

- Viết chữ hoa A, Ă, Â, Q (kiểu 2) và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 2 - 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ *Tổ quốc em* (Trích đoạn).

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ và/hoặc phiếu học tập viết sẵn nội dung bài tập luyện tập gắn với bài đọc.
- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â, Q (kiểu 2).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

- Học viên làm việc theo cặp, quan sát tranh (ảnh) của bài đọc và trao đổi:
- + Nói về cảnh vật trong tranh (ảnh).
- + Đoán: Đó là cảnh ở đâu? Bạn biết gì về nơi đó?
- Một số HV nêu ý kiến; HV khác bổ sung.
- Giáo viên giới thiệu bài đọc.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV (VD...).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD:

- *Câu hát của người xưa/cứ ngân nga trong tâm trí chúng tôi/trên con đường/chúng tôi đi về quê Bác.*
- *Giữa khung cảnh/vẫn “non xanh nước biếc” như xưa,/chúng tôi mãi mê nhìn/những cánh đồng chiêm mơn mớn,/những chiếc cầu sắt mới tinh duyên dáng,/những mái trường,/những mái nhà tươi roi rói bên cạnh rặng tre non/và những nhà máy cứ mọc lên,/mọc lên như trong một giấc mơ kì diệu.*

- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.

(1) Thiên nhiên quê Bác có gì đẹp? (non xanh nước biếc, cánh đồng xanh mơn mớn, những chiếc cầu sắt mới tinh duyên dáng, những mái trường, những mái nhà tươi roi rói; những nhà máy mọc lên như trong một giấc mơ kì diệu...).

(2) Những chi tiết nào cho thấy người dân đã làm cho phong cảnh quê hương thêm đẹp đẽ, sinh động? (Cánh đồng có đủ các màu xanh xanh pha vàng của ruộng mía, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của những rặng tre và rất nhiều màu xanh khác nữa).

(3) Bạn hiểu như thế nào về câu cuối bài? (HV nói theo cảm nhận riêng. VD: Câu cuối cho thấy cảm giác ấm áp/ấm cúng/thân thuộc,...).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm trong bài đọc từ ngữ phù hợp với mỗi vị trí trong bảng
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên thảo luận theo cặp: viết từ ngữ vào vị trí phù hợp trong bảng.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác bổ sung; GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
đường đi	quanh quanh
non	xanh
nước	biếc
lúa chiêm	mơn mớn, xanh rất mượt, đang thì con gái
mía	xanh pha vàng
tre	non, xanh đậm
chiếc cầu	mới tinh, duyên dáng
mái trường, mái nhà	tươi roi rói

- Bài tập 2. Dựa vào ảnh của bài đọc, viết 2 – 3 câu về cảnh đẹp quê hương Bác
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.

- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý, nêu ý kiến của mình về quê hương, đất nước.
- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).
- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ ý kiến của mình

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: tô và viết chữ hoa.

TIẾT 4

4. Tập viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa A, Ă, Â. Q (kiểu 2) và câu ứng dụng (*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Âm áp tình quê; Quê hương đất nước*).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â. Q (kiểu 2).
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa A, Ă, Â. Q (kiểu 2). Chú ý điểm giống nhau, khác nhau của các chữ cái.
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng:

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng (*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Âm áp tình quê; Quê hương đất nước*), nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm bài thơ *Tổ quốc em*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.

- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Tìm trong bài thơ những hình ảnh về:

- Thiên nhiên tươi đẹp của thiên nhiên đất nước ta: *có suối dềo, núi non trùng điệp, lá reo nhạc rừng; Trường Sơn mây phủ; biển dâng đầy, triều lên con sóng vỗ ngay trước thềm.*
- Những người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc: *Áo xanh chiến sĩ xanh cùng sắc cây.*
- Cuộc sống lao động của nhân dân ta: *Ra khơi buồm đợi gió lên, buồm hay cánh buồm vẫy nghiêng chân trời.*

b. Khổ thơ nào thể hiện rõ nhất tình cảm tự hào của tác giả về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta? (Khổ thơ cuối).

b) Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về bài thơ

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp
- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 31.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ *Tổ quốc*.
- + Chuẩn bị cho Bài 32.

Chủ điểm: NHÌN RA THẾ GIỚI

Bài 32

TỪ CHÚ BỎ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NÉT (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Từ chú bỏ câu đến in-tơ-nét*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu nội dung văn bản: Đi lên theo sự phát triển của thời đại, ngày nay, con người ta đã có thể sử dụng in-tơ-nét thay cho bồ câu đưa thư hay nhét thư vào những chai thủy tinh để trò chuyện với những người ở cách mình rất xa.

2. Nói và nghe: Trình bày được suy nghĩ của mình về phương tiện trao đổi thông tin, về vai trò của in-tơ-nét với cuộc sống con người.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Từ chú bồ câu đến In-tơ-nét* theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *r/d/gi, in/inh*.

- Viết được 4 - 5 câu thuật việc đơn giản.

4. **Vận dụng:** Viết được một số cách trao đổi thông tin ngày nay vào sổ tay.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện tập gắn với bài đọc (nếu có).
- Bảng phụ viết sẵn bài chính tả; một số thẻ *r/d/gi* hoặc *in/inh* để HV gắn vào chỗ trống trong câu.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1, 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

- Trước đây, con người trao đổi thông tin với nhau bằng những cách nào?
- Hiện nay, con người trao đổi thông tin với nhau bằng những cách nào?

2. Đọc

a) **Đọc thành tiếng**

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài (VD: Nói rồi,/Bác cuộn chiếc rế thành một vòng tròn/và bảo chú cần vụ buộc nó tịt vào hai cái cọc,/sau đó mới vùi hai đầu rế xuống đất).
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) **Đọc hiểu**

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Từ xa xưa, bồ câu đã giúp con người việc gì? (đưa thư).
- (2). Những người đi biển đã nghĩ ra cách nào để gửi thư? (cách bỏ thư vào trong những chiếc chai thủy tinh. Nhờ sóng biển, những chiếc chai này được đẩy vào đất liền).

(3). Ngày nay, chúng ta có thể trao đổi thông tin bằng những cách nào? (Ngày nay, chúng ta có thể trò chuyện với người ở xa bằng cách viết thư, gọi điện hoặc trò chuyện qua in-tơ-nét).

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu hoạt động tiếp theo.

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Xếp các từ đã cho thành 2 nhóm.

+ Học viên đọc yêu cầu và làm việc theo nhóm: Trao đổi để hiểu nghĩa của các từ ngữ, từ đó xếp các từ ngữ vào từng nhóm thích hợp.

+ Học viên chữa bài trước lớp. GV và cả lớp xác nhận kết quả.

Đáp án:

Nhóm 1. Từ ngữ chỉ đặc điểm: *xa, tốt, dài, nhiều.*

Nhóm 2. Từ ngữ chỉ hoạt động: *ngủ, trao đổi, đưa, bay, đi, tìm.*

- Bài tập 2. Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

+ Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.

+ Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.

+ Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị để trình bày ý kiến về phương tiện trao đổi thông tin, về vai trò của in-tơ-nét với cuộc sống con người.

- Giáo viên nêu yêu cầu:

+ Lựa chọn một phương tiện thông tin nếu anh/chị cần trò chuyện với người ở xa.

+ Nêu vai trò của in-tơ-nét với cuộc sống con người.

- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).

- Học viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ về các cách trao đổi thông tin (hoặc vai trò của in-tơ-nét trong cuộc sống).

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên nhận xét giờ học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: Viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.

- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu.

- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- *Bài tập phân biệt r, d/gi.*

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(**Đáp án:** giấy, giản dị, giống, rục rỡ)

- *Bài tập phân biệt in/inh.*

+ Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

+ Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Giáo viên yêu cầu HV viết các từ vừa hoàn chỉnh vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.

+ Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(**Đáp án:** mình, nhìn, xinh)

TIẾT 5

5. Hướng dẫn viết đoạn văn thuật việc

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài và gợi ý.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết đoạn văn kể về một buổi đi chơi của anh/chị cùng gia đình (hoặc bạn bè).
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 32.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
- + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn thuật việc.
- + Viết vào sổ tay viết vào sổ tay một số cách trao đổi thông tin ngày nay.
- + Chuẩn bị Bài 33.

BÀI 33

CÁ SẤU SỢ CÁ MẬP (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng truyện cười *Cá sấu sợ cá mập*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ; hiểu tính hài hước của truyện: Khách tắm biển sợ bãi tắm có cá sấu. Ông chủ khách sạn muốn làm yên lòng khách, quả quyết vùng biển này có nhiều cá mập nên không thể có cá sấu. Bằng cách này, ông làm cho khách còn khiếp sợ hơn.

2. Luyện từ và câu

- Nhận biết và sử dụng được câu giới thiệu.
- Luyện tập sử dụng các dấu câu đã học.

3. Viết

- Viết đúng chữ hoa M, N, V và viết được câu ứng dụng có chứa chữ hoa.
- Viết được 3 – 5 câu giới thiệu một đồ vật.

4. Vận dụng: Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật thường dùng hằng ngày.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Mẫu chữ viết hoa/phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N, V (kiểu 2).
- Thẻ từ ngữ phục vụ bài tập 1 - Từ và câu (nếu có).
- Tranh hỗ trợ hoạt động viết (nếu có).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Dự đoán nội dung câu chuyện qua tranh và tên truyện.

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.

- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc một số câu. VD: - Ông chủ ơi !/Chúng tôi nghe nói bãi tắm này có cá sấu.//Có phải vậy không,/ông?
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
- Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Tin đồn gì xảy ra với khách sạn? (Hình như ở bãi tắm có cá sấu).
- (2). Ông chủ khách sạn quả quyết điều gì? (Ở vùng biển này làm gì có cá sấu!).
- (3). Vì sao khi nghe ông chủ giải thích xong, khách lại sợ hơn? (Vì cá mập còn hung dữ, đáng sợ hơn cá sấu).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Tìm 5 từ ngữ chỉ sự vật trong truyện vui.
- + Giáo viên nêu yêu cầu hoặc 1 HV đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên thảo luận theo cặp.
- + Một số HV báo cáo kết quả; HV khác nêu ý kiến; GV nhận xét, chốt đáp án đúng (VD: biển, khách sạn, cá sấu, cá mập, vị khách,...)
- Bài tập 2. Đặt 1 - 2 câu về lí do mọi người cười ông chủ khách sạn trong truyện *Cá sấu sợ cá mập*.
- + Học viên làm việc cá nhân: đặt câu theo yêu cầu.
- + Học viên làm việc nhóm: từng thành viên đọc các câu đã đặt, cả nhóm nhận xét, góp ý.
- + Một vài HV đọc câu trước lớp.

TIẾT 3

3. Luyện từ và câu: Câu giới thiệu; Luyện tập các dấu câu đã học

a) Kết hợp từ ngữ để tạo câu giới thiệu

- Giáo viên nêu nhiệm vụ: Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.
- Học viên làm việc theo cặp.
- Học viên báo cáo kết quả trước lớp.
- Giáo viên nhận xét, chốt kết quả đúng:
Thư viện là nơi lưu trữ cho chúng ta biết bao cuốn sách hay.

*Ti vi là nơi cung cấp cho chúng ta nhiều chương trình truyền hình thú vị.
Điện thoại là phương tiện để chúng ta trò chuyện với người ở xa.*

b) Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than phù hợp với ô trống

- Giáo viên giao nhiệm vụ: chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than đặt vào cuối mỗi câu.
- Học viên làm việc cá nhân: viết các câu vào vở, đặt dấu câu vào cuối câu.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

Câu hỏi của bé

Bé nhìn thấy những chú ong bay về phía cánh đồng hoa. Bé hỏi:

- Những chú ong bay tới đó để làm gì hả mẹ?
- Chúng bay đi tìm hoa lấy mật đấy!
- Những chú ong không sợ lạc đường hả mẹ?

Mẹ dịu dàng trả lời:

- Không đâu! Chúng luôn nhớ đường về nhà, con ạ.

(Theo Trà Ngân)

c) Chọn dấu chấm hoặc dấu phẩy phù hợp với ô trống

- Giáo viên giao nhiệm vụ: chọn dấu chấm hoặc dấu phẩy phù hợp với ô trống.
- Học viên làm việc cá nhân: đặt dấu chấm hoặc dấu phẩy vào vị trí thích hợp.
- Một số HV báo cáo kết quả trước lớp; HV khác nêu ý kiến.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

Cảng Cam Ranh (Khánh Hòa) của nước ta được xếp ngang hàng với những cảng thiên nhiên lớn nhất thế giới. Quanh năm, lúc nào Cam Ranh cũng bình yên, êm ả. Mặt nước xanh biếc, bầu trời cao lồng lộng. Cảnh sắc thiên nhiên đầy chất thơ ấy khiến du khách tới đây đều ngơ ngẩn.

(Theo Đắc Trung)

TIẾT 4

4. Viết

a) Viết chữ hoa

- Giáo viên nêu nhiệm vụ của bài học: Viết chữ hoa M, N, V (kiểu 2) và câu ứng dụng (Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ./Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông./Ừng như kiềng ba chân).
- Giáo viên cho HV quan sát mẫu chữ hoa M, N, V (kiểu 2); hướng dẫn cách viết.
- Giáo viên viết mẫu trên bảng hoặc cho HV quan sát cách viết chữ hoa theo phần mềm hướng dẫn viết chữ hoa M, N, V (kiểu 2).
- Học viên làm việc cá nhân, luyện viết các chữ hoa theo yêu cầu.

b) Viết ứng dụng

- Giáo viên hướng dẫn viết câu ứng dụng:
Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.
Vững như kiềng ba chân.
- Giáo viên nhắc HV chú ý cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường kế tiếp.
- Học viên hoàn thành yêu cầu, tự soát và sửa lỗi trước khi góp ý bài viết cho nhau theo nhóm.

TIẾT 5

5. Thực hành viết đoạn văn giới thiệu đồ vật

a) Dựa vào gợi ý, viết đoạn văn theo yêu cầu

- Học viên đọc đề bài và gợi ý.
- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào gợi ý để viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật thường dùng hằng ngày.
- Học viên viết đoạn văn vào vở.
- Học viên đổi bài cho nhau để góp ý.
- Một số HV đọc bài của mình; GV nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).

b) Chỉnh sửa bài viết theo góp ý

- Học viên sửa lại bài (sửa lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; viết lại cho hay).
- Giáo viên có thể góp ý cho một số bài (nếu có thời gian).

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 33.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà:
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn tả đồ vật.
 - + Viết 1 - 2 câu nói về cách giữ gìn đồ vật trong gia đình.
 - + Chuẩn bị Bài 34.

Bài 34

MỘT SỐ THƯ VIỆN NỔI TIẾNG TRÊN THẾ GIỚI (5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc: Đọc đúng các tiếng trong bài (bao gồm cả một số tiếng có vần dễ phát âm sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, tiếng có vần khó), đọc đúng và rõ ràng bài *Một số thư viện nổi tiếng trên thế giới*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu. Hiểu nghĩa của từ ngữ, nhận biết được các sự việc, hoạt động,... được nói đến trong văn bản, hiểu nội dung bài đọc: Giới thiệu thông tin về một số thư viện nổi tiếng trên thế giới.

2. Nói và nghe:

- Trình bày được một phát minh làm thay đổi cuộc sống.

3. Viết

- Viết đúng chính tả một đoạn văn về cấu trúc theo hình thức nghe – viết; viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng *l/n* hoặc các tiếng có *im/iêm*.

4. **Vận dụng:** Tự đọc hiểu văn bản Thác Ni-a-ga-ra và viết được 2 – 3 câu nói lên cảm nhận của bản thân về thác Ni-a-ga-ra.

II. GỢI Ý CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ hoặc thẻ từ ngữ viết sẵn nội dung của bài tập chính tả 2, 3.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 - 2

1. Khởi động

Học viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: Quan sát 3 bức ảnh về 3 thư viện và trả lời câu hỏi:

- Hình dáng thư viện như thế nào?
- Anh/chị ấn tượng với thư viện nào? Vì sao?

2. Đọc

a) Đọc thành tiếng

- Giáo viên đọc mẫu toàn văn bản; HV đọc thầm theo.
- Giáo viên hướng dẫn HV đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai do ảnh hưởng của tiếng địa phương.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu.
- Giáo viên hướng dẫn HV tìm hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và đưa thêm những từ ngữ có thể khó đối với HV.
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc câu dài VD: *Các cửa sổ trong thư viện/được bố trí một cách hợp lý/để người đọc/vừa có thể học tập,/vừa ngắm nhìn/và đón nhận luồng khí mát lạnh/từ mặt hồ xung quanh.*
- Giáo viên hướng dẫn HV luyện đọc đoạn, bài.

b) Đọc hiểu

Giáo viên tổ chức để HV trả lời từng câu hỏi theo các bước chủ yếu sau:

- Giáo viên nêu từng câu hỏi.
 - Học viên làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi.
 - Một số HV trả lời câu hỏi trước lớp; HV khác và GV nhận xét, bổ sung.
- (1). Thư viện nào trông giống như một con tàu vũ trụ? (Thư viện Geisel).

(2). Thư viện Matsubara có điểm gì đặc biệt? (Được xây dựng giữa ao hồ minh mông nước).

(3). Vì sao thư viện Beitou còn được gọi là thư viện “xanh” ? (Vì thư viện Beitou được làm từ gỗ và thép cùng thiết kế đặc biệt tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên).

c) Luyện tập gắn với bài đọc

- Bài tập 1. Đặt câu giới thiệu về một trong ba thư viện trên.
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên làm việc cá nhân: viết câu vào vở.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa câu (nếu cần).
- Bài tập 2. Nêu thư viện mong ước
- + Giáo viên nêu yêu cầu.
- + Học viên trả lời về thiết kế của thư viện mà mình mong muốn được đọc sách, lí do của việc lựa chọn thiết kế thư viện như vậy.
- + Một số HV báo cáo kết quả.
- + Giáo viên nhận xét chung.

TIẾT 3

3. Nói và nghe

a) Chuẩn bị ý kiến để trình bày về một phát minh làm thay đổi cuộc sống

- Giáo viên nêu yêu cầu: Dựa vào thông tin đã đọc hoặc đã xem, nói về một phát minh làm thay đổi cuộc sống con người theo hướng tích cực.
- Học viên làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý để chuẩn bị ý kiến (có thể ghi tóm tắt các ý vào vở nháp).
- Giáo viên trao đổi theo cặp.

b) Chia sẻ về phát minh làm thay đổi cuộc sống

- Một số HV trao đổi trước lớp; HV khác nêu ý kiến trao đổi thêm (nếu có)
- Giáo viên nhận xét tiết học và nêu nhiệm vụ học tập tiếp theo: viết chính tả.

TIẾT 4

4. Viết

a) Nghe – viết

- Giáo viên nêu yêu cầu nghe – viết.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc đoạn viết chính tả.
- Giáo viên nêu câu hỏi về cách trình bày bài viết chính tả; GV nhắc HV chú ý viết hoa các chữ cái đầu câu.

- Học viên nghe GV đọc từng câu và viết vào vở.
- Viết xong bài chính tả, HV tự đọc soát và sửa lỗi.
- Học viên làm việc nhóm: đọc bài để góp ý cho nhau.
- Giáo viên nhận xét chung về kết quả viết bài của HV.
- Giáo viên hoặc 1 – 2 HV đọc trước lớp đoạn viết chính tả.

b) Làm bài tập chính tả

- Bài tập phân biệt l/n
- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: lo, no)

- Bài tập phân biệt im/iêm

- + Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập hoặc 1 HV đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- + Học viên làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu bài theo cặp hoặc theo nhóm.
- + GV yêu cầu HV viết các từ ngữ đúng chính tả vào vở, sau đó đổi bài để góp ý cho nhau.
- + Giáo viên mời HV chữa bài trước lớp.

(Đáp án: kim khâu, con nhím, nghiêm khắc, cần kiệm, trốn tìm, kỉ niệm).

TIẾT 5

5. Đọc và viết

a) Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

- Học viên đọc yêu cầu của bài tập.
- Học viên làm bài cá nhân: Đọc thầm đoạn văn *Thác Ni-a-ga-ra*; đọc từ ngữ và các câu hỏi.
- Học viên trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi.
- Một số HV trình bày trước lớp; HV khác bổ sung.
- Giáo viên nhận xét, chốt đáp án đúng.

a. Thác Ni-a-ga-ra nằm ở đâu? (Bắc châu Mỹ, trên sông Ni-a-ga-ra, con sông biên giới của Mỹ và Ca-na-đa).

b. Thác Ni-a-ga-ra có điểm gì đặc biệt? (thác có trữ lượng nước lớn nhất thế giới).

b) Viết 2 – 3 câu nói lên cảm nhận về thác Ni-a-ga-ra

- Giáo viên giao nhiệm vụ.
- Học viên viết các câu vào vở.
- Một số HV báo cáo trước lớp

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HV sửa bài (nếu cần).
- Học viên sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.

IV. CÙNG CỐ, DẶN DÒ

- Học viên nhắc lại các nội dung đã học ở bài 34.
- Giáo viên nêu yêu cầu về nhà :
 - + Tiếp tục hoàn thiện đoạn văn nói lên cảm nhận về thác Ni-a-ga-ra.
 - + Chuẩn bị cho bài 35.

Bài 35

ÔN TẬP – ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM/CUỐI KÌ 2 (5 tiết)

I. Hoàn thành CHƯƠNG TRÌNH KÌ 2, học viên cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Đọc

- Đọc đúng các tiếng trong bài đọc (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng); đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. Nhận biết chi tiết trong văn bản (địa điểm, thời gian, các sự việc chính,...), hiểu nghĩa của từ ngữ, hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản.

2. Nói và nghe

- Kể lại hoặc nói ngắn gọn về một câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết trình bày, trao đổi về một vấn đề phù hợp lứa tuổi.

3. Viết

- Viết đúng chữ thường và chữ hoa; nghe – viết chính tả một đoạn văn, đoạn thơ khoảng 50 - 55 chữ.

- Viết được 4 - 5 câu thuật việc, miêu tả, giới thiệu đồ vật, nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.

II. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Giáo viên làm phiếu theo nội dung bài 35.
- Học viên làm bài tập để tự đánh giá kết quả học tập của mình.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá bài làm của HV.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TIẾNG VIỆT KỲ - 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

Nguyễn Thảo Nguyên

Vẽ bìa:

Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in:

Phạm Kim Ngân

Trình bày sách:

Phạm Thị Lê

Chế bản:

Phạm Thị Lê

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19 × 26,5cm tại Nhà máy In Bộ Quốc phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/16-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3220/QĐXB-NXBDT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0238-5.

In xong, nộp lưu chiểu quý IV năm 2023